HỘ KINH DOANH NGUYỄN BÁ TRỊNH

*****----*****

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Cơ sở

"Khu chăn nuôi tập trung lợn nái ngoại, sản xuất con giống thương phẩm, quy mô lớn, chất lượng cao đảm bảo vệ sinh môi trường"

Địa chỉ: thôn Kênh, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Hải Dương, tháng ... năm 2025

HỘ KINH DOANH NGUYỄN BÁ TRỊNH

___

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Cơ sở

"Khu chăn nuôi tập trung lợn nái ngoại, sản xuất con giống thương phẩm, quy mô lớn, chất lượng cao đảm bảo vệ sinh môi trường"

Địa chỉ: thôn Kênh, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

CHỦ HỘ KINH DOANH

NGUYỄN BÁ TRỊNH

Hải Dương, tháng ... năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 4
DANH MỤC CÁC BẢNG 5
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ 6
CHƯƠNG I 7
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 7
1. Tên chủ cơ sở 7
2. Tên cơ sở 7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở 9
3.1. Công suất của cơ sở 9
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 9
3.3 . Sản phẩm của cơ sở đầu tư 11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở đầu tư 11
4.1. Nhu cầu nguyên, vật liệu, hóa chất trong quá trình hoạt động của Cơ sở 11
4.2. Nhu cầu phế liệu 12
4.3. Nhu cầu điện năng sử dụng và nguồn cung cấp điện 12
4.4. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp nước 12
5. Phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất 12
6. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở 12
6.1 . Vị trí địa lý của Cơ sở 12
6.2. Quy mô sử dụng đất 13
6.3. Các hạng mục công trình của cơ sở 13
6.4. Danh mục máy móc thiết bị của Cơ sở 17
6.5. Số lượng nhân viên tại Cơ sở 19
CHƯƠNG II 18
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, ... 18
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 18
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 18
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường 18
CHƯƠNG III 19
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, ... 19
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 19
1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa 19
1.1 Thu gom, thoát nước mưa 19
1.2. Thu gom, thoát nước thải 20
1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải 20
1.2.2. Mạng lưới thoát nước thải 23

1.3. Xử lý nước thải 24
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 26
3. Các công trình, biện pháp lưu ý, xử lý chất thải rắn thông thường 26
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 27
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 29
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 29
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bể tự hoại 29
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 30
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Kế hoạch bảo vệ môi trường 32
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học 32
CHƯƠNG IV 33
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 33
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 33
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 34
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 34
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại 34
4.1. Khối lượng chủng loại chất thải phát sinh 34
4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại 34
Khối lượng và chủng loại chất thải nguy hại đề nghị cấp phép như sau: 34
4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh 34
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn 35
4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại 35
4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường ... 35
4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất rắn sinh hoạt 36
CHƯƠNG V 37
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 37
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư 37
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 37
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 37
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. 37
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 37
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 38
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất chủ cơ sở. 38

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm. 38
CHƯƠNG VI 39
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 39
ĐỐI VỚI CƠ SỞ 39
CHƯƠNG VII 40
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 40
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường 40
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan 40

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BXD	Bộ xây dựng
CCN	Cụm công nghiệp
CP	Chính phủ
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
DV	Dịch vụ
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
ĐTXD	Đầu tư xây dựng
KPH	Không phát hiện
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
KHBVMT	Kế hoạch bảo vệ môi trường
NĐ	Nghị định
NXB	Nhà xuất bản
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
QĐ	Quyết định
QH	Quốc hội
QLDA	Quản lý cơ sở
TB	Trung bình
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TDTT	Thể dục thể thao
TM	Thương mại
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TT-BTNMT	Thông tư Bộ Tài nguyên và Môi trường
HTXL	Hệ thống xử lý
UBMTQ	Ủy ban mặt trận tổ quốc
UBND	Uỷ ban nhân dân
VP	Văn phòng
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
XD	Xây dựng
XLNT	Xử lý nước thải
XLKT	Xử lý khí thải

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1 - Công suất sản xuất tối đa của trang trại 9
Bảng 2 - Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu, hóa chất của trang trại 11
Bảng 3 - Các hạng mục công trình hạ tầng 15
Bảng 4. Các công trình bảo vệ môi trường 16
Bảng 5 - Danh mục máy móc, thiết bị hiện hữu và bổ sung qua các giai đoạn 18
Bảng 6 - Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và thoát nước mưa của cơ sở 20
Bảng 7 - Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom nước thải 22
Bảng 8. Dung tích các bể trong quá trình xử lý nước thải 25
Bảng 9 – Khối lượng CTNH phát sinh 27
Bảng 10. Các sự cố và biện pháp xử lý đối với hầm Biogas 29
Bảng 11. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải của Cơ sở 33
Bảng 12 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung 34
Bảng 13 - Khối lượng chủng loại chất thải nguy hại phát sinh 34
Bảng 14 - Khối lượng và loại chất thải rắn công nghiệp thông thường 35
Bảng 15: Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải 37
Bảng 16: Kế hoạch lấy mẫu quan trắc vận hành thử nghiệm 37
Bảng 17. Kinh phí thực hiện quan trắc nước thải hàng năm của cơ sở 38

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1- Sơ đồ quy trình chăn nuôi tại trang trại 10
Hình 2- Vị trí địa lý của Cơ sở 13
Hình 3. Một số hình ảnh hiện trạng của trang trại 18
Hình 4. Sơ đồ tổ chức bộ máy tại trang trại 19
Hình 5- Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở 19
Hình 6- Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại Cơ sở 20
Hình 7- Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi tại Cơ sở 21
Hình 8. Hình ảnh hầm Biogas và ao lắng hiện trạng 22
Hình 9. Điểm xả và mương tiếp nhận nước thải của trang trại 23
Hình 10. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống hầm Biogas và ao lắng 24

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở : **HỘ KINH DOANH NGUYỄN BÁ TRỊNH**
- Địa chỉ liên hệ: thôn Kênh, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
- Người đại điện theo pháp luật của chủ cơ sở đầu tư:

Ông **Nguyễn Bá Trịnh** Chức danh: Chủ hộ kinh doanh

- Quốc tịch: Việt Nam Sinh ngày: 04/10/1960
- Thông báo số 913-TB/HU ngày 08/07/2009 của Huyện ủy Bình Giang về chủ trương nhất trí cho ông Nguyễn Bá Trịnh được làm chủ đầu tư Cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và trồng cây lâu năm tại xã Bình Xuyên.
- Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 10/08/2009 của UBND huyện Bình Giang về việc Thu hồi đất và cho ông Nguyễn Bá Trịnh thuê đất đầu tư xây dựng Cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và trồng cây lâu năm tại xã Bình Xuyên.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: "**Khu chăn nuôi tập trung lợn nái ngoại, sản xuất con giống thương phẩm, quy mô lớn, chất lượng cao đảm bảo vệ sinh môi trường**"
- **Quy mô hoạt động:**

Địa điểm cơ sở: thôn Kênh, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, Hải Dương

- Diện tích đất sử dụng: 42.938m^2.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt Cơ sở (nếu có):

+ Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 10/08/2009 của UBND huyện Bình Giang về việc Thu hồi đất và cho ông Nguyễn Bá Trịnh thuê đất đầu tư xây dựng Cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và trồng cây lâu năm tại xã Bình Xuyên.

+ Giấy xác nhận Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 19/XNKHBVMT ngày 26/12/2019 của UBND huyện Bình Giang.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công số 58/2024/QH15:

Cơ sở đang hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi với tổng vốn đầu tư là 22.620.543.000 đồng thuộc **Cơ sở nhóm C** căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 101Luật Đầu tư công

số 58/2024/QH15, *(Cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, nuôi trồng thủy sản có tổng vốn đầu tư dưới 120 tỷ đồng).*

Phân loại theo tiêu chí quy định tại Luật Bảo vệ môi trường:

Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Cơ sở không sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển; không khai thác khoáng sản, tài nguyên nước; không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất; không có yêu cầu di dân, tái định cư.

Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản c, điểm 1, điều 28, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được quy định chi tiết tại khoản 6 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

Căn cứ theo quy định tại mục II.2, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 – Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Cơ sở thuộc loại hình Trang trại chăn nuôi (thuộc Cơ sở đầu tư nhóm C theo theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công), thuộc Cơ sở đầu tư nhóm III (cụ thể: Cơ sở có cấu phần xây dựng không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải).

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 39 và khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường trình Ủy ban nhân dân huyện Bình Giang cấp phép.

Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục X phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh là đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện nội dung biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn hoạt động để quản lý và sử dụng. Hộ kinh doanh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn hoạt động của Cơ sở.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Căn cứ theo các hồ sơ đã được phê duyệt, công suất sản phẩm của cơ sở được thể hiện như sau:

Bảng 1 - Công suất sản xuất tối đa của trang trại

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất theo hồ sơ pháp lý môi trường đã cấp năm 2019 (1)	Công suất đăng ký cấp giấy phép môi trường
1	Lợn nái thương phẩm	Trang	500 con lợn nái thương phẩm	500 con lợn nái thương phẩm

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh, 2025)

Ghi chú:

(1) Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 19/XNKHBVMT ngày 26/12/2019 của UBND huyện Bình Giang.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở hoạt động với các quy trình chính: Nhập lợn giống → Nuôi thích nghi → Đưa vào chăn nuôi → Xuất hang cho khách.

Các quy trình sản xuất của Cơ sở cụ thể như sau:

Hình 1- Sơ đồ quy trình chăn nuôi tại trang trại

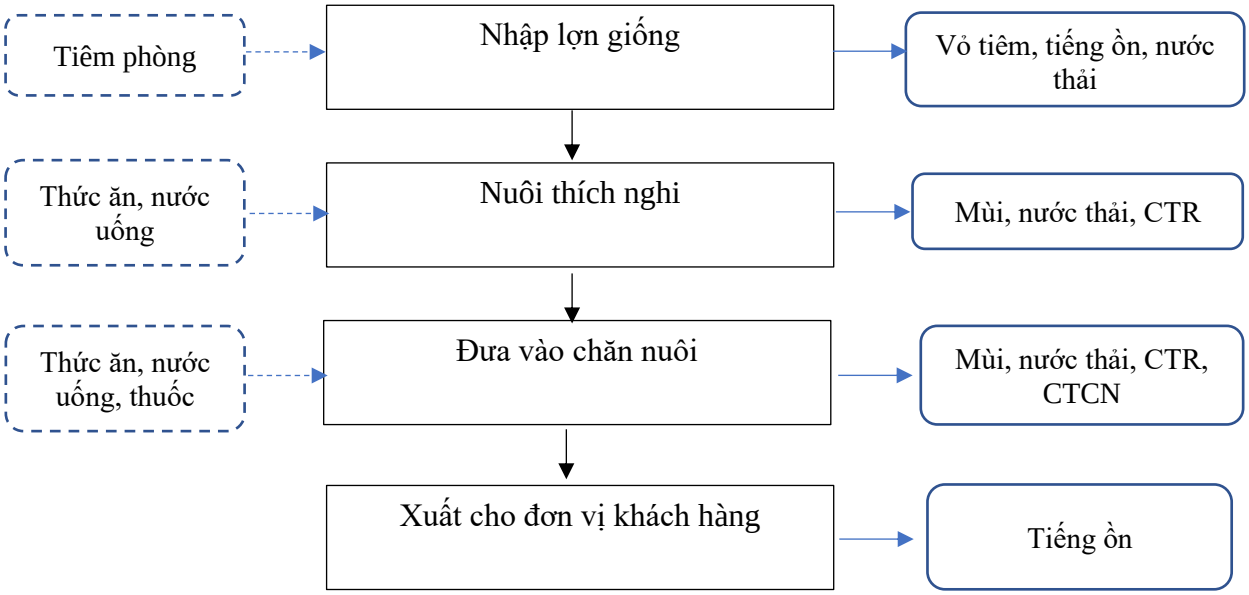

Thuyết minh quy trình chăn nuôi:

- *Nhập lợn giống:* Lợn giống là lợn con sau cai sữa được tuyển theo phương pháp khoa học khoảng 18-30 ngày tuổi, khi đó lợn con được nhập về khu chuồng trại chăn nuôi đã định sẵn. Lợn được lựa chọn là những con khỏe mạnh, có chất lượng tốt. Lợn con khi đưa về được tiêm phòng, nuôi thích nghi trước khi tách đàn đưa vào chăn nuôi. Toàn bộ lợn giống sẽ được các đơn vị khách hang cung cấp, trang trại chỉ tiến hành chăn nuôi và xuất lại cho khách hàng khi lợn đã đạt tiêu chuẩn. Thuốc thú y phải đạt tiêu chuẩn và được cung cấp từ phía khách hàng.

Các loại chất thải phát sinh: Trong quá trình nhập lợn giống, các nhân viên sẽ tiến hành tiêm phòng và vệ sinh lợn cũng như khu vực nhập lợn. Từ đó phát sinh các chất thải rắn và nước thải từ quá trình vệ sinh.

- *Nuôi thích nghi:* Lợn giống sau khi nhập về sẽ được nuôi tại Chuồng tân đáo để thích khi với không gian sống mới. Trong thời gian này, nhân viên tại trang trại sẽ theo dõi nghiêm ngặt để đề phòng các trường hợp sự cố xảy ra gây tổn thất cho trang trại. Lợn giống sẽ được nuôi tại Chuồng tân đáo trong thời gian ít nhất 21 ngày trước khi nhập trại. Thức ăn chăn nuôi phải có chất lượng tốt và được cung cấp từ phía khách hàng.

Các loại chất thải phát sinh: Trong quá trình nuôi thích nghi, lợn sẽ được chăm sóc theo phương pháp hiện tại của trại và được theo dõi nghiêm ngặt. Từ đó phát sinh chất thải như phân, nước thải tắm cho lợn…..

- *Đưa vào chăn nuôi:* Sau thời gian nuôi thích nghi, lợn đạt tiêu chuẩn và được đưa vào quy trình chăn nuôi của trại. Tại đây quy trình chăn nuôi được chia ra các bước như sau:

+ Lợn đực giống: Để thuận lợi cho công tác phối giống, lợn đực giống sẽ được nuôi chung với lợn nái chờ phối. Đầu dãy nhà có bố trí nhà khai thác và pha chế tinh dịch để thụ tinh nhân tạo cho đàn lợn.

+ Lợn nái có chửa: Sau khi phối giống, lợn nái sẽ được đưa về Chuồng lợn nái có chửa. Tại đây, lợn nái có chửa được nhốt riêng và mỗi lồng và có máng ăn riêng biệt. Cũi tại chuồng này chiếm ít diện tích, dễ kiểm tra và theo dõi.

+ Lợn nái đẻ: Chuồng lợn đẻ nuôi con là thời gian lợn nái chuẩn bị đẻ đến khi lợn con được cai sữa sẽ kéo dài 25-30 ngày. Sau khi lợn con được chuyển về chuồng cai sữa, nái mẹ sẽ được chuyển về chuồng chờ phối. Trong khi đẻ và nuôi con, lợn mẹ cần tăng số lượng và chất lượng thức ăn, không gian nuôi dưỡng luôn phải đảm bảo lý tưởng để giữ cho lợn con, lợn mẹ không bị nhiễm bệnh.

+ Lợn con cai sữa: Sau khi lợn con theo mẹ đến khi tập ăn 21-30 ngày tuổi, lợn con được chuyển đến chuồng cai sữa chờ bán giống.

- *Xuất cho đơn vị khách hang:* Sau khi lợn đạt tiêu chuẩn khoảng 90-120 kg/con sẽ được xuất bán cho khách hàng (đơn vị cung cấp lợn giống). Khi kết thúc đợt nuôi sẽ để trống chuồng trại khoảng 1 tuần để vệ sinh sạch sẽ, sát trùng và chuẩn bị nuôi đợt tiếp theo.

3.3. Sản phẩm của cơ sở đầu tư

Chăn nuôi lợn nái thương phẩm quy mô 500 con.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở đầu tư

4.1. Nhu cầu nguyên, vật liệu, hóa chất trong quá trình hoạt động của Cơ sở

Khối lượng nguyên liệu sử dụng trong quá trình hoạt động của Cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2 - Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu, hóa chất của trang trại

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Thức ăn chăn nuôi	Tấn/năm	1.100
2	Thuốc tiêm phòng	Tấn/năm	60
3	Chlorine	lít/năm	50

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng
4	Nước vôi	Lít/năm	70

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh, 2025)

* Nhu cầu sử dụng lao động: 30 người.

- Thời gian làm việc 3 ca (mỗi ca 8 tiếng).

- Số ngày làm việc 365 ngày/năm.

4.2. Nhu cầu phế liệu

Cơ sở không sử dụng phế liệu để tái chế và sản xuất.

4.3. Nhu cầu điện năng sử dụng và nguồn cung cấp điện

- *Nguồn cấp điện:* Điện sử dụng cho trang trại được Công ty cấp điện chi nhánh huyện Bình Giang cấp.

- *Mục đích sử dụng:* Phục vụ cho các hoạt động chăn nuôi cho lợn, thắp sáng và sinh hoạt cho các cán bộ công nhân viên tại trang trại.

- *Lượng điện sử dụng của Cơ sở:*

+ Giai đoạn năm 2024: lượng điện sử dụng khoảng 17.500 KWh/năm.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp nước

- *Nguồn cung cấp*: Hiện tại Hộ kinh doanh sử dụng nguồn nước máy từ Công ty cấp nước huyện Bình Giang. Ngoài ra, trang trại tận dụng nước mưa đã qua xử lý để vệ sinh chuồng trại và tắm cho lợn.

- *Mục đích sử dụng*: Nước cấp cho hoạt động chăn nuôi lợn và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong trang trại

- *Nhu cầu sử dụng nước:* Giai đoạn năm 2024 cơ sở sử dụng nước sạch khoảng 15.164 m^3/năm

5. Phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Cơ sở không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

6. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

6.1. Vị trí địa lý của Cơ sở

Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh hoạt động tại địa chỉ thôn Kênh, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, có tổng diện tích đất 42.938 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 780170 với thời hạn sử dụng 25 năm từ ngày 10/08/2009 đến ngày 10/08/2034. Trong suốt quá trình hoạt động từ năm 2009 đến nay, Trang trại không thay đổi địa điểm, mở rộng diện tích đất cũng như các thay đổi khác về vị trí địa lý.

Vị trí tiếp giáp của trang trại như sau:

- Phía Bắc : giáp ruộng đất của người dân xã Bình Xuyên;
- Phía Đông : giáp khu dân cư xã Bình Xuyên;
- Phía Nam : giáp ruộng đất của người dân xã Bình Xuyên;
- Phía Tây : giáp đường liên xã Bình Xuyên.

Hình 2- Vị trí địa lý của Cơ sở

6.2. Quy mô sử dụng đất

Tổng diện tích đất sử dụng cho trang trại hiện nay là 42.938 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 780170 với thời hạn sử dụng 25 năm từ ngày 10/08/2009 đến ngày 10/08/2034.

Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh đã tiến hành xây dựng trang trại, đưa vào hoạt động trang trại từ năm 2009. Đến nay, cơ sở vẫn giữ nguyên các hạng mục công trình đã xây dựng không xây dựng bổ sung thêm.

6.3. Các hạng mục công trình của cơ sở

Một số hạng mục công trình chính và công trình phụ trợ của Cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3 - Các hạng mục công trình hạ tầng

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Diện tích (m^2)	Kết cấu
1	Chuồng lợn đẻ	Chuồng	3	14.000	Sàn bê tông đục lỗ, sàn nhựa
2	Lợn chửa, chờ phối	Chuồng	3	1350	Sàn bê tông có lỗ
3	Lợn cai sữa	Chuồng	1	1050	Sàn bê tông
4	Hậu bị	Chuồng	1	270	Sàn bê tông có lỗ
5	Lợn đực	Chuồng	1	126	Sàn bê tông có lỗ
6	Chuồng cách ly	Chuồng	1	144	Sàn bê tông
7	Chuồng tân đáo	Chuồng	1	144	Sàn bê tông
8	Kho thức ăn	Nhà	1	169	Sàn bê tông
9	Nhà sát trùng công nhân viên	Nhà	2	123	Sàn bê tông
10	Nhà sát trùng xe	Nhà	1	56	Sàn bê tông
11	Nhà chứa phân	Nhà	1	57	Sàn bê tông
12	Nhà quản lý	Nhà	1	442	Sàn bê tông
13	Nhà ở công nhân	Nhà	1	229	Sàn bê tông
14	Hố khử trùng	Hố	3	32	Sàn bê tông
15	Gara để xe	Nhà	1	49	Sàn bê tông
16	Cổng chính	Cổng	1	-	Nền xi măng
17	Nhà khai thác tinh	Nhà	1	23	Nền xi măng
18	Nhà sát trùng giặt	Nhà	1	55	Nền xi măng
19	Nhà cân lợn	Nhà	1	45	Nền xi măng
20	Nhà máy phát điện	Nhà	1	24	Nền xi măng

21	Nhà kho thuốc	Nhà	1	56	Lát gạch hoa
22	Nhà bếp ăn	Nhà	1	75	Lát gạch hoa
23	Nhà bảo vệ	Nhà	1	29	Lát gạch hoa
	Tổng diện tích			**18.548**	

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh, 2025)

Bảng 4. Các công trình bảo vệ môi trường

STT	Hạng mục công trình	Kết cấu	Kích thước	Số lượng
1	Bể tự hoại	Gạch, bê tông, thép	5 m^3	4
2	Bể tách mỡ		2m^3	1
3	Hầm Biogas số 1		800 m^3	1
4	Hầm Biogas số 2		2.400 m^3	1
5	Kho CTNH		10 m^2	1

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh, 2025)

6.4. Danh mục máy móc thiết bị của Cơ sở

Danh mục máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình hoạt động của trang trại được sử dụng từ năm 2009 (thời điểm hình thành trang trại). Hiện nay chủ trang trại đã lắp đặt hoàn thiện máy móc thiết bị phục vụ cho giai đoạn chăn nuôi cụ thể như sau:

Bảng 5 - Danh mục máy móc, thiết bị hiện hữu và bổ sung qua các giai đoạn

STT	Tên máy, thiết bị	Số lượng	Tình trạng
I	**Thiết bị chăn nuôi**		
1	Núm uống tự động	760	Mới 65%
2	Máng ăn INX-430 đơn	745	Mới 70%
3	Máng ăn INX-430 tự động	3	Mới 70%
4	Đèn hồng ngoại	168	Mới 95%
5	Hệ thống làm mát	23	Mới 70%
6	Quạt thông gió ⦸50-3 cánh	14	Mới 70%
7	Quạt thông gió ⦸60-6 cánh	18	Mới 60%
8	Tủ điện điều khiển tự động	10	Mới 65%
9	Tôn lạnh	2870	Mới 95%
10	Cũi nhốt lợn đẻ	168	Mới 70%
11	Cũi nhốt lợn mang thai	596	Mới 65%
12	Cũi nuôi lợn con cai sữa	30	Mới 70%
13	Cũi nhốt lợn đực	16	Mới 70%
14	Cũi nhốt lợn tân đáo	30	Mới 95%
15	Cũi nhốt lợn chuồng cách ly	30	
II	**Thiết bị văn phòng**		
1	Máy vi tính	1	Mới 52%
2	Tủ tài liệu, bàn làm việc	5	Mới 65%

Hình 3. Một số hình ảnh hiện trạng của trang trại

6.5. Số lượng nhân viên tại Cơ sở

- Tổng số lượng công nhân, nhân viên của trang trại là 50 người.
- Số ca làm việc: 3 ca/ngày.
- Sơ đồ tổ chức của trang trại:

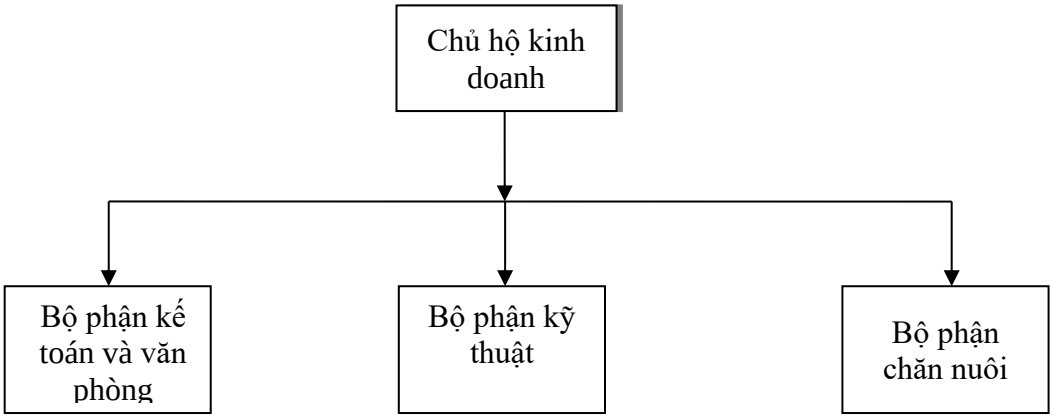

Hình 4. Sơ đồ tổ chức bộ máy tại trang trại

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Khu vực thực hiện xây dựng trang trại là 42.938 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 780170 với thời hạn sử dụng 25 năm từ ngày 10/08/2009 đến ngày 10/08/2034.

Hiện nay, lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm ở tỉnh Hải Dương cũng như miền Bắc đang khá phát triển, tuy nhiên việc chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy trình tiêu chuẩn vẫn còn hạn chế. Việc mở rộng mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm áp dụng các biện pháp, công nghệ cao tại địa phương đang trở nên rất cần thiết và cần được nhân rộng. Xuất phát từ thực tế trên, hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh đã tiến hành xây dựng và đi vào hoạt động **"Khu chăn nuôi tập trung lợn nái ngoại, sản xuất con giống thương phẩm, quy mô lớn, chất lượng cao đảm bảo vệ sinh môi trường"** tại xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Lượng nước thải sinh hoạt của các cán bộ công nhân viên tại cơ sở được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại, sau đó được dẫn về hầm Biogas để tiếp tục xử lý. Sau đó nước thải được dẫn qua 4 ao lắng để xử lý triệt để trước khi xả ra môi trường.

Căn cứ theo Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ, Cơ sở không thuộc đối tƣợng phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước. Vì vậy, Báo cáo không phải thực hiện đánh giá khả năng chịu tải của môi trường.

Cơ sở sẽ luôn quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường để giảm thiểu thấp nhất các tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận. Chủ cơ sở cam kết sẽ xử lý nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT(giá trị C_{max}, Cột B) trước khi thải vào nguồn nước tiếp nhận.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa

1.1 Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn được tách riêng với mạng lưới thoát nước thải.

Nước mưa có thể hòa tan rất nhiều chất, khi rơi xuống mặt bằng khu vực Hộ kinh doanh sẽ hòa tan và cuốn theo các chất gây ô nhiễm môi trường nước. Do đó, Hộ kinh doanh đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa xung quanh các công trình văn phòng, chuồng trại để thu gom, thoát nước mưa hợp lý.

- Nước mưa trên mái chuồng trại sẽ được thu gom bằng các đường ống PVC D100 xuống các rãnh xây thu gom nước mưa được bố trí quanh chuồng trại.

- Nước mưa chảy tràn sẽ được chảy về các rãnh xây thu gom được bố trí quanh khu vực nhà làm việc và các chuồng trại.

Toàn bộ nước mưa phát sinh tại Trang trại sẽ được thu gom về rãnh xây và chảy về các hố ga BTCT. Sau đó nước mưa được dẫn theo cống thu BTCT D400 về gố thu gom nước mưa tập trung tại trang trại. Sau đó nước mưa sẽ thoát ra mương thoát nước chung của khu vực qua 1 điểm.

Các hố ga sẽ được định kỳ nạo vét để loại bỏ những rác, lá cây, cặn lắng tránh tắt nghẽn đường ống, hạn chế ảnh hưởng đến dòng chảy trong mương, tạo điều kiện tiêu thoát nước mưa. Tuyến thoát nước mưa tại trang trại được chia ra 2 tuyến chính, cụ thể như sau:

Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở như sau:

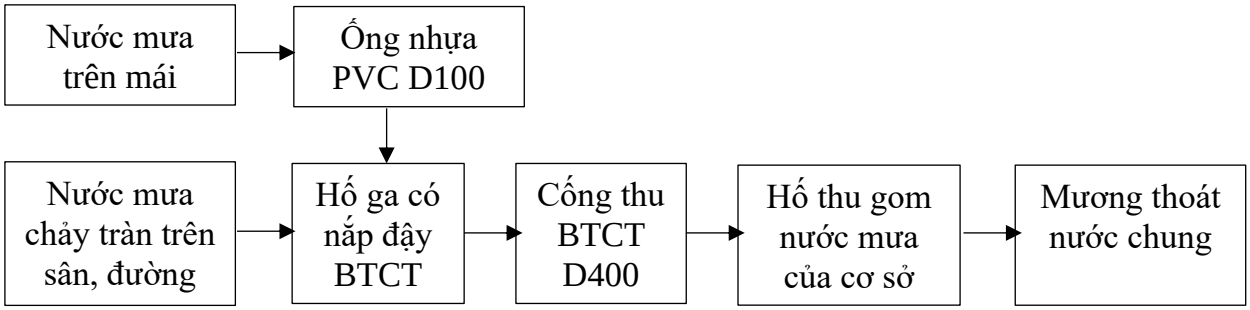

Hình 5- Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở

Bảng 6 - Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và thoát nước mưa của cơ sở

STT	Hạng mục	Kích thước	Chiều dài (m)
Mạng lưới thu gom nước mưa			
1	Ống PVC	D100	25
2	Rãnh BTCT	D400	197
3	Hố ga BTCT, nắp BTCT	900x600mm	11 cái
Mạng lưới thoát nước mưa			
1	Hố ga đấu nối nước mưa (nắp gắn song chắn rác)	1.000x1.000mm	1 cái

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh, 2025)

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải

Cơ sở hoạt động với ngành nghề chăn nuôi gia súc, nước thải phát sinh tại cơ sở chỉ có nước thải sinh hoạt từ hoạt động của CBCNV và nước thải chăn nuôi.

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, nước thải được phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của CBCNV tại cơ sở khi đạt công suất tối đa là 50 người với lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất là 5 m^3/ngày đêm. Với 2 nguồn như sau:

- Nguồn số 1: Nước thải xí tiểu từ hoạt động của các công nhân
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà ăn ca

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt:

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải tại Cơ sở như sau:

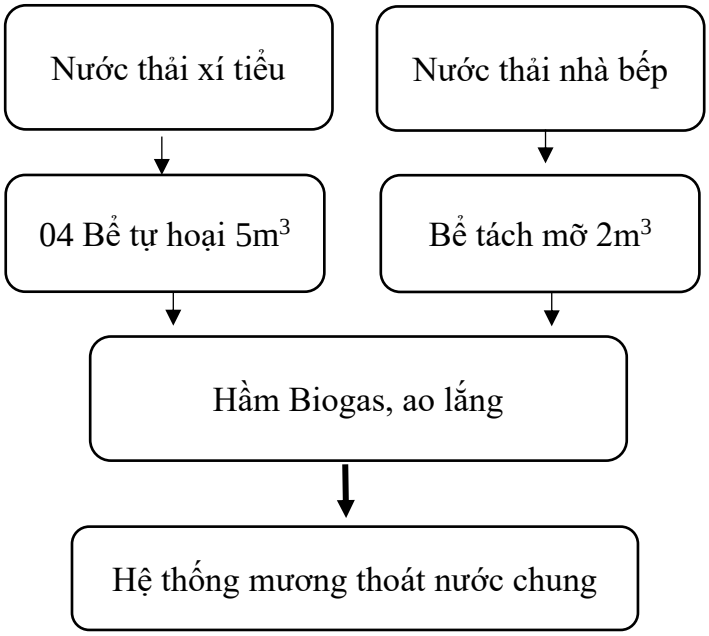

Hình 6- Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại Cơ sở

- Nguồn số 3: Trong quá trình hoạt động của cơ sở, nước thải được phát sinh từ hoạt động chăn nuôi được thu gom như sau

- Mạng lưới thu gom nước thải chăn nuôi:

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi tại Cơ sở như sau:

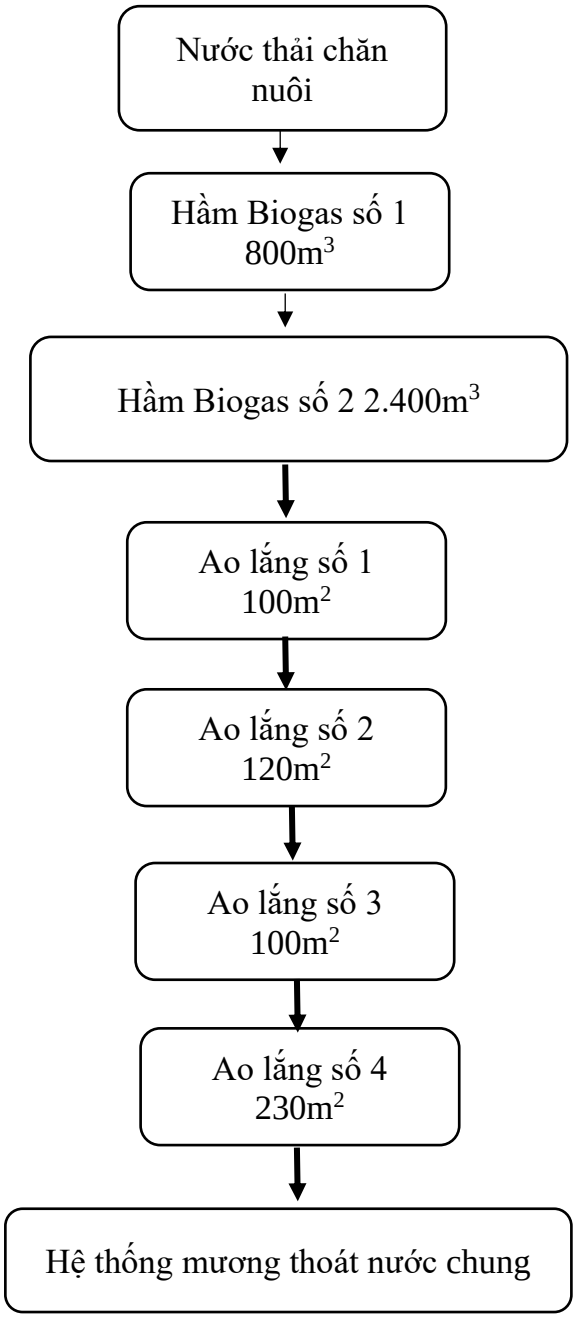

Hình 7- Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi tại Cơ sở

Thuyết minh chi tiết hệ thống thu gom, dẫn nước thải từ các nguồn về hệ thống hầm Biogas và ao lắng của Cơ sở

- Nước thải xí tiểu phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom về 04 bể tự hoại dung tích 5m^3 để xử lý sơ bộ trước khi đưa về hầm Biogas của trang trại bằng đường ống PVC D100.

- Nước thải từ khu vực nhà ăn ca của cơ sở được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ 2m^3 trước khi được đưa vào hệ thống hầm Biogas của trang trại bằng đường ống PVC D90.

- Nước thải chăn nuôi của trang trại được thu gom bằng rãnh BTCT D200 về hệ thống hầm Biogas hiện hữu để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của trang trại được thu gom về hệ thống hầm Biogas cùng các ao lắng để xử lý đảm bảo đạt QCVN 60-MT:2016/BTNMT, cột B trước khi xả ra ngoài mương tiếp nhận nước thải.

Bảng 7 - Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom nước thải

STT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
1	Mạng lưới thu gom nước xí tiểu (PVC)	Ø100	106 m
2	Mạng lưới thu gom nước nhà ăn ca (PVC)	Ø90	50m
	Mạng lưới thu gom nước thải chăn nuôi (BTCT)	D200	345m
3	Bể tách mỡ (BTCT)	2 m^3	01 bể
4	Bể tự hoại (BTCT)	50m^3	04 bể
5	Hố ga BTCT, nắp BTCT	600x600mm	01 cái

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh, 2025)


Hình 8. Hình ảnh hầm Biogas và ao lắng hiện trạng

Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Trang trại vẫn đáp ứng và phục vụ tốt cho nhu cầu sử dụng của trang trại, đã được xây dựng hoàn chỉnh và tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

Nước thải của Trang trại được xả ra hệ thống mương thoát nước chung của khu vực có kích thước hố ga 600x600mm.

Tọa độ điểm xả: **X= 2303661 (m) ; Y = 572499 (m)** *(Theo toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0 45', múi chiếu 3^0);*

Hình 9. Điểm xả và mương tiếp nhận nước thải của trang trại

1.2.2. Mạng lưới thoát nước thải

- Điểm xả nước thải của Cơ sở: 01 điểm tại mương thoát nước chung của khu vực;
- Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước chung của khu vực;
- Tọa độ điểm xả: **X= 2303661 (m) ; Y = 572499 (m)** *(Theo toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0 45', múi chiếu 3^0);*
- Kích thước hố ga: 600 mm x 600 mm;

1.3. Xử lý nước thải

** Sơ đồ nguyên lý của hệ thống hầm biogas và ao lắng của trang trại:*

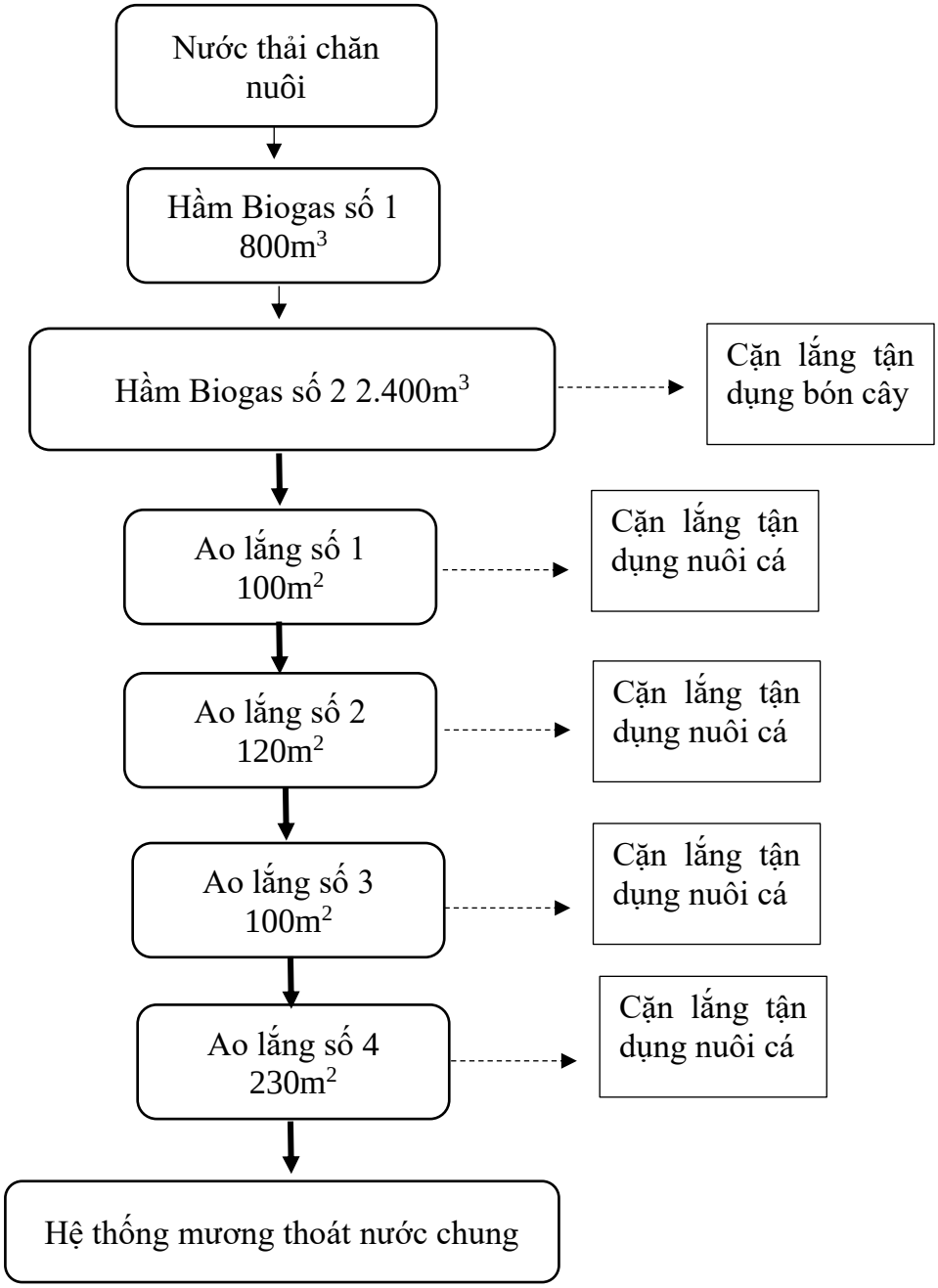

Hình 10. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống hầm Biogas và ao lắng

**** Thuyết minh nguyên lý hoạt động của hầm Biogas và ao lắng***

Trong môi trường khí hiếm, phân và các hợp chất hữu cơ bị phân hủy thành các chất hòa tan và chất khí. Sau nhiều lần phản ứng, hầu hết các chất được chuyển hóa thành khí metan và khí cacbonic. Một số các chất như nito(N2) và photpho(P)… cũng bay qua ngoài qua quá trình phân hủy từ hầm biogas. Quá trình phân hủy kị khí được diễn ra theo nhiều giai đoạn với sự tham gia của các chất như: tinh bột, protein, glyxerol, axit béo, cùng với các chất khác…

Hầm biogas là khu vực có khả năng chứa các chất khí như CH4, N2, CO2, O2… Trong đó, khí CH4 là loại khí đốt có thể dùng thay cho khí gas. Do vậy, xét về kinh tế, hầm biogas có thể giúp tiết kiệm ngân sách đáng kể mà vẫn đảm bảo công dụng đốt cháy để nấu nướng. Song song với đó, chúng còn xử lý được vấn đề về chất thải.

Hầm ủ biogas được xây dựng loại hầm ủ phủ bạt HDPE, đây là bể xử lý yếm khí để xử lý nước thải, chất thải nhờ các vi sinh vật yếm khí. Tại hầm ủ các vi sinh vật ở dạng kỵ khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất dạng đơn giản và khí biogas (CO_2, CH_4, H_2S, NH_3,…) theo phản ứng sau:

Chất hữu cơ + VSV kỵ khí → CO_2 + CH_4 + H_2S + NH_3 + các chất khác + năng lợợng.

Chất hữu cơ + vi sinh vật kỵ khí + năng lượng → $C_5H_7O_2N$ (tế bào vi khuẩn mới)

(Nguồn: Ths. Lê Hoàng Việt, Quản lý và xử lý chất thải hữu cơ, Khoa Công Nghệ, Đại học Cần Thơ, 2001).

Hầm biogas là giải pháp xử lý chất thải sinh hoạt và chăn nuôi rất hiệu quả. Thông qua đó, làm giảm ô nhiễm môi trường.

Chất thải từ hầm biogas có thể tận dụng để bón cho những loại cây trồng, rau củ… giúp nguồn đất có thêm nhiều dinh dưỡng, từ đó tăng năng suất cho cây.

Sau khi qua hầm Biogas, nước thải được chuyển qua 04 ao lắng, phần cặn lắng xuống định kỳ sẽ được hút và đem bón cho cây trồng trong trang trại, một phần sẽ được sử dụng để làm thức ăn cho cá sống trong ao.

Sau khi qua quá trình xử lý bằng hầm Biogas và các ao lắng, tại thời điểm này nước thải đã được xử lý đảm bảo đạt QCVN 60-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B rồi được chảy tràn ra mương thoát nước thải của khu vực.

Nước thải được xử lý bằng phương pháp chảy tràn, phân hủy tự nhiên, không cần sử dụng các hóa chất. Ngoài ra, định kỳ cần lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải sau xử lý để kiểm soát toàn bộ quá trình hoạt động của cơ sở.

Nước thải sau khi xử lý sẽ xả vào mương thoát nước chung của khu vực (có tọa độ VN2000: **X= 2303661 (m) ; Y = 572499 (m)**.

Bảng 8. Dung tích các bể trong quá trình xử lý nước thải

STT	Thiết bị và thông số kỹ thuật	Dung tích
1	Hầm Biogas số 1	800 m^3

2	Hầm Biogas số 2	2.400 m^3
3	Ao lắng số 1	100 m^2
4	Ao lắng số 2	120 m^2
5	Ao lắng số 3	100 m^2
6	Ao lắng số 4	230 m^3

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Thành phần của khí thải gây mùi hôi trong quá trình chăn nuôi chủ yếu là mùi của các hợp chất hữu cơ, bao gồm: H_2S, NH_3, CO_2... Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm; Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng. Để giảm thiểu chất thải khí chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

Thiết kế xây dựng các trại nuôi đảm bảo kín và bố trí 4 quạt hút ở mỗi dãy chuồng để đảm bảo không gian trong chuồng luôn phải đảm bảo được thông thoáng.

Thực hiện tốt việc vệ sinh chuồng trại, thu gom phân định kỳ không để phát tán ra môi trường bên ngoài.

Trồng cây xanh quanh khu vực cơ sở.

Thường xuyên xịt chế phẩm sinh học EM Pro-1 khử mùi bên trong và bên ngoài các dãy chuồng nuôi, định kỳ 2 ngày/lần.

Giải pháp xử lý mùi hôi từ các hố ga: Công nhân định kỳ 2 lần/ngày sẽ kiểm tra các hố ga thoát nước thải của cơ sở. Trong trường hợp hố ga bị nghẹt sẽ kịp thời thông tắt nhằm tránh tình trạng bị ứ động phân và nước thải tại các hố ga làm phát sinh mùi hôi khó chịu.

Giải pháp xử lý mùi hôi khu vực xử lý nước thải: chủ cơ sở sử dụng chế phẩm vi sinh học EM Pro-1 để xử lý mùi hôi ở khu vực này nếu khu vực phát sinh mùi hôi, công nhân định kỳ 2 lần/ngày kiểm tra hầm biogas để đảm bảo kịp thời xử lý nếu hầm biogas gặp sự cố.

Chủ cơ sở trang bị các nắp đậy cho các hố ga.

Đối với máy phát điện: Đặt máy phát điện nơi thông thoáng để khi vận hành các khí thải phát sinh dễ dàng pha loãng nồng độ các chất ô nhiễm vào môi trường không khí xung quanh.

Đối với khí từ hầm ủ biogas: Lượng khí phát sinh được chủ cơ sở dùng làm nhiên liệu đốt để sử dụng, trong trường hợp khí phát sinh nhiều chủ cơ sở sẽ đốt bỏ để tránh tình trạng khí thải từ hầm ủ biogas thoát ra ngoài.

3. Các công trình, biện pháp lưu ý, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ chất thải rắn sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một

số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hằng ngày tại cơ sở khoảng 3,0 kg/ngày sẽ đƣợc thu gom triệt để từ các khu nhà trại và lƣu chứa trong 3 thùng nhựa 120 lít có nắp đậy. Hợp đồng với Công ty Cổ phần công trình đô thị Sóc Trăng thu gom vận chuyển và xử lý.

*** Đối với chất thải rắn sản xuất thông thường:**

Bao bì đựng thức ăn: ước tính lượng bao bì phát sinh khoảng 60 bao thức ăn (50kg thức ăn/bao bì). Khối lượng bao bì được ước tính như sau: 60 bao/ngày x 0,2 kg/bao= 12 kg/ngày. Toàn bộ lượng bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom toàn bộ và lưu chứa trong kho của trang trại hoặc bán cho các cơ sở chăn nuôi gà để lưu chứa phân. Đối với các loại bao bì rách không tái sử dụng trở lại sẽ được thu gom và thiêu hủy trong khuôn viên trang trại.

Bùn thải từ hầm ủ biogas: Sẽ được lấy ra định kỳ sau thời gian 6 năm, lượng bùn được lấy ra khoảng 80% thể tích bùn có trong hầm chứa, tải lượng bùn sau mỗi đợt lấy khoảng 1.800 m^3. Và sẽ được trang trại tiến hành bón cho cây trồng trong khuôn viên.

Bùn từ quá trình nạo vét ao sinh học: Mỗi năm 1 lần chủ cơ sở sẽ nạo vét bùn trong các ao sinh học để đảm bảo các ao sinh học không bị bồi lắng. Thông thường lƣượng bùn được sên sẽ có độ sâu khoảng 10-20 cm. Tổng lượng bùn phát sinh trong cả 4 ao khoảng 110 m^3/năm (tổng diện tích 4 ao sinh học là 550 m^2 x 0,2 m độ sâu nạo vét = 110 m^3). Và sẽ được chủ cơ sở sử dụng để đắp bờ, gia cố cho các ao để chống tràn.

Xác heo chết (không do dịch bệnh): Công ty có bố trí hầm huỷ xác heo.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại

Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của trang trại, được trình bày trong bảng sau:

Bảng 9 – Khối lượng CTNH phát sinh

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng thải (bao bì, chai lọ vaccine)	18 01 03	15
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	0,5

3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	5
4	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	0,5
5	Xác heo chết do dịch bệnh	14 02 01	-
Tổng khối lượng			**21,0**

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh, 2025)

4.2. Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Đối với chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn, dầu nhiên liệu và dầu diesel thải, giẻ lau dính dầu: Thu gom vào thùng chứa HDPE thể tích 120 lít/thùng và lưu chứa tại kho chất thải nguy hại với diện tích 2 m^2. Đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với các chai lọ, vaccine sau khi dùng xong: Thu gom vào thùng chứa HDPE thể tích 120 lít/thùng, lưu chứa tại kho chất thải nguy hại với diện tích 2 m^2. Sau mỗi đợt nuôi sẽ được Công ty thu gom lại.

Đối với heo chết do dịch bệnh: Khi thấy heo bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh chủ cơ sở có thông báo cho cán bộ thú y xã hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật cấp xã để cán bộ thú y tới lấy mẫu xét nghiệm xem có dương tính với các loại dịch bệnh hay không. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch chủ cơ sở sẽ phối hợp với địa phương chọn địa điểm tiêu hủy. Theo khuyến cáo của OIE và FAO nên ưu tiên chọn địa điểm tiêu hủy ngay tại khu vực chăn nuôi có động vật mắc bệnh hoặc địa điểm thích hợp khác gần khu vực có ổ dịch để hạn chế việc vận chuyển xác heo đi xa khiến virus phát tán ra ngoài môi trường ảnh hưởng tới các khu chăn nuôi an toàn khác. Quá trình tiêu hủy toàn bộ heo chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, cụ thể như sau:

+ Biện pháp tiêu hủy: Cơ sở lựa chọn biện pháp tiêu hủy công bằng cách đào hố chôn lấp, cho bao chứa xác động vật, sản phẩm động vật vào hố và lấp đất và nện chặt.

+ Vị trí khu vực chôn lấp có diện tích 480 m^2

+ Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi /m^2, cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5 m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sụt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Ngoài ra cần phải rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi, để khô, sau đó phun sát trùng 2 lần, cách nhau 10-15 ngày bằng một trong các dung dịch: nước vôi tôi

10%, xút 2-3%, formol 2-3%, crezin 5%. Nước rửa chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi phải được thu gom vào hố và trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu các tác động từ tiếng ồn, độ rung cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:

Thực hiện tốt việc vệ sinh chuồng trại, thu gom xử lý triệt để chất thải phát sinh hàng ngày không để phát tán ra bên ngoài môi trường.

Trồng cây xanh xung quanh khu vực trại chăn nuôi nhằm cải thiện môi trường không khí và hạn chế phát tán mùi, bụi ra khu vực bên ngoài.

- Máy phát điện được đặt trong khu vực riêng, cách xa nơi làm việc của công nhân. Lắp đặt bộ phận giảm thanh để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh. Đồng thời, máy phát điện và các máy móc thiết bị khác sẽ được đặt trên các bệ đúc có móng chắc chắn đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, lắp đặt đệm cao su hoặc lò xo chống rung.

Quy chuẩn áp dụng:

- Tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- Độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bể tự hoại

Quá trình hoạt động của hệ thống xử lý chất thải vẫn có khả năng bị hư hỏng hay không đạt yêu cầu. Vì vậy Chủ cơ sở sẽ bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, vận hành hệ thống chất thải. Về việc tập huấn các kiến thức về xử lý chất thải sẽ do đơn vị thi công công trình hầm Biogas hướng dẫn.

Một số sự cố và biện pháp xử lý đối với hầm Biogas phủ bạt như sau:

Bảng 10. Các sự cố và biện pháp xử lý đối với hầm Biogas

Hiện tượng	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Khi không có hoặc ít hơn thông thường	Nguyên liệu bị nhiễm độc tố	Nạp lại nguyên liệu đảm bảo chất lượng
	Nhiệt độ thấp	Cách nhiệt cho thiết bị
	Có chỗ rò rỉ hoặc xì khí	Kiểm tra lại các chỗ có khả năng rò rỉ như đường ống, lớp nhựa HDPE phủ bề mặt. Trám lấp các chỗ bị rò rỉ ngay lập tức.
	Cơ chất quá ít axit (pH <7)	Dùng vôi hoặc tro để điều chỉnh
	Cơ chất quá kiềm (pH>7)	Đợi thời gian

Nước bị rò rỉ quanh chỗ nối ống	Xi măng dính kết kém	Hút cạn bể, đục xung quanh ống, nơi bị rò rỉ. Dùng vữa xi măng cát đen (1/2) trát xung quanh, đợi 3- 4 ngày khô.

Trong suốt quá trình hoạt động công nhân làm việc tại cơ sở sẽ thường xuyên kiểm tra tình trạng hệ thống thoát nước thải và hầm ủ biogas để có thể kịp thời khắc phục sự cố tránh ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước thải của hệ thống và tránh tình trạng ứ động nước thải làm phát sinh mùi hôi. Chủ cơ sở cam kết trong thời gian khắc phục sự cố sẽ không để nước thải thoát ra môi trường.

Kiểm tra hệ thống các ao sinh học: Công nhân phụ trách môi trường của cơ sở thường xuyên kiểm tra các ao sinh học, nếu nước trong các ao này có màu nâu đỏ, nhiều chất rắn lơ lửng thì sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Các ao sinh học tại Cơ sở được xây dựng với bờ bao có cao độ 1,5m so với mặt bằng chung của khu vực nên có khả năng chống ngập lụt khá tốt.

Đối với trường hợp vào những ngày mưa lớn sẽ dẫn đến nguy cơ các ao sinh học bị tràn nước: Công nhân làm việc tại cơ phải thường xuyên kiểm tra các ao sinh học tại cơ sở khi trời mưa lớn, nếu thấy ao có nguy cơ bị tràn sẽ tiến hành đắp bờ ao cao hơn để tránh tình trạng nước thải từ các ao sinh học chảy tràn vào nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm môi trường.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Đối với sự cố khi vận hành hệ thống hầm ủ biogas

+ Áp suất gas không ổn định: hiện tượng thường thấy là công suất máy phát điện hoạt động không ổn định; bếp đun nấu cháy có ngọn lửa chập chờn hoặc không cháy được. Để khắc phục trường hợp này đó là loại bỏ nước đọng bằng cách nâng đường ống lên cao để nước chảy về chỗ thấp và thoát ra ngoài hoặc lắp đặt van xả.

+ Mùi hôi của khí sinh học: được xử lý bằng cách điều chỉnh lại đường ống dẫn gas hoặc thay thế các bồn lọc, lưu chứa gas. Đối với các loại chất khí biogas khác như khí H_2S, đây là chất khí gây ô nhiễm sẽ được lọc bằng phôi sắt và nước vôi để loại bỏ trước khi khí biogas dẫn vào hệ thống máy phát điện.

b. Các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn về điện

Để ngăn ngừa, phòng chống cháy nổ có khả năng phát sinh trong quá trình hoạt động, cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

Các nguồn nguyên liệu dễ cháy nổ phải được quản lý đúng quy định, tránh nơi nhiệt độ cao, xa nguồn lửa.

Các máy móc, thiết bị, đường dây điện đảm bảo tuyệt đối an toàn và được kiểm tra thường xuyên.

Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho cơ sở.

c. Các biện pháp phòng, chống dịch bệnh

Khi tiếp nhận heo và khi xuất trại cơ sở sẽ thông báo đến cơ quan thú y để kiểm dịch.

Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch các loại vắc xin phòng bệnh nhằm ngăn ngừa dịch bệnh xảy ra theo quy định tại Phụ lục 07 – Thông tƣ số 07/2016/TT- BNNPTNT ngày 31/5/2016.

Phun xịt định kỳ, xử lý mùi hôi, ruồi muỗi phát sinh trong trang trại bằng chế phẩm sinh học;

Công nhân ra vào trại phải được vệ sinh sạch sẽ và được trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

Thông báo ngay cho cơ quan thú y khi gia súc mắc bệnh.

Trường hợp người tiếp xúc với gia súc có dấu hiệu ho, sốt phải đến ngay các cơ sở y tế gần nhất để khám.

Định kỳ thực hiện tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng toàn bộ chuồng trại, khu vực chăn nuôi, định kỳ 1 tuần/lần.

Thức ăn sử dụng cho chăn nuôi heo đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn và khẩu phần ăn của heo. Không sử dụng thức ăn thừa của đàn heo đã xuất chuồng, thức ăn của đàn heo đã bị dịch cho đàn heo mới.

Trong trường hợp phải trộn thuốc, hóa chất vào thức ăn, nước uống nhằm mục đích phòng bệnh hoặc trị bệnh phải tuân thủ thời gian ngừng thuốc, ngừng hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất; không được sử dụng kháng sinh, hóa chất trong danh mục cấm theo quy định hiện hành.

Khi heo chết không vứt xác bừa bãi, khi có dịch bệnh xảy ra sẽ thiêu hủy theo quy định, vệ sinh khử trùng trại theo hƣớng dẫn của ngành thú y.

d. Tai nạn lao động

Để ngăn ngừa, phòng tránh các tai nạn lao động có khả năng phát sinh trong quá trình hoạt động, cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng,... Ngoài ra, trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ. Các điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng

cần được tuân thủ chặt chẽ.

Bên cạnh đó, trang trại cũng phải đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường lao động cho công nhân. Cụ thể là các hệ thống thông thoáng trong phân xưởng phải hoạt động thường xuyên một mặt đảm bảo lượng không khí sạch tối thiểu cho công nhân mặt khác đảm bảo nồng độ các chất độc hại trong phân xưởng dưới tiêu chuẩn cho phép. Trong những trường hợp có sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng.

Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải được thiết kế đúng theo quy định về an toàn điện.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Kế hoạch bảo vệ môi trường

So với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được UBND huyện Bình Giang phê duyệt tại Giấy xác nhận số 19/XNKHBVMT ngày 26/12/2019. Hiện trạng chủ cơ sở đã thực hiện đúng với các nội dung trong Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Cơ sở không thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

+ Nguồn số 02: Nước thải nhà bếp.

+ Nguồn số 03: Nước thải chăn nuôi

Lưu lượng xả thải tối đa: Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép tối đa cho cơ sở: 15 m^3/ngày đêm.

1.2. Dòng nước thải đề nghị cấp phép

+ Dòng nước thải số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên. Xả thải liên tục.

+ Dòng nước thải số 02: Nước thải nhà bếp. Xả thải gián đoạn.

+ Dòng nước thải số 03: Nước thải chăn nuôi. Xả thải liên tục.

1.3. Lưu lượng xả thải tối đa

Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép là 15m^3/ngày.đêm

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 11. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải của Cơ sở

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 62-MT:2016/BTNMT Cột B
1	pH	-	**5,5-9**
2	BOD_5	mg/l	**100**
3	COD	mg/l	**300**
4	TSS	mg/l	**150**
5	Tổng N	mg/l	**150**
6	Tổng Coliforms	MPN/100ml	**5.000**

Ghi chú: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Quy chuẩn xả thải: QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B.

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: mương thoát nước chung của khu vực tại thôn Kênh, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ **Tọa độ: X(m): 2303661; Y(m): 572499**

Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước chung của khu vực tại thôn Kênh, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Tại cơ sở không phát sinh khí thải

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

– Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể:

Bảng 12 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung

Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	Quy chuẩn
70 (dBA)	55 (dBA)	QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Khu vực thông thường
70 (dB)	60 (dB)	QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung. Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

4.1. Khối lượng chủng loại chất thải phát sinh

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại

Khối lượng và chủng loại chất thải nguy hại đề nghị cấp phép như sau:

Bảng 13 - Khối lượng chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng thải (bao bì, chai lọ vaccine)	18 01 03	15
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	0,5
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	5
4	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	0,5
5	Xác heo chết do dịch bệnh	14 02 01	-
Tổng khối lượng			**21,0**

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh, 2025)

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Khối lượng và chủng loại chất thải rắn thông thường đề nghị cấp phép như sau:

Bảng 14 - Khối lượng và loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Bao bì đựng thức ăn	4.380 kg/năm

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh, 2025)

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Biện pháp xử lý: Chất thải nguy hại tại cơ sở được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn, dầu nhiên liệu và dầu diesel thải, giẻ lau dính dầu: Thu gom vào thùng chứa HDPE thể tích 120 lít/thùng và lưu chứa tại kho chất thải nguy hại với diện tích 2 m^2. Đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với các chai lọ, vaccine sau khi dùng xong: Thu gom vào thùng chứa HDPE thể tích 120 lít/thùng, lưu chứa tại kho chất thải nguy hại với diện tích 2 m^2. Sau mỗi đợt nuôi sẽ được Công ty thu gom lại.

Đối với heo chết do dịch bệnh: Quá trình tiêu hủy toàn bộ heo chết do dịch bệnh đƣợc thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bao bì đựng thức ăn: ước tính lượng bao bì phát sinh khoảng 60 bao thức ăn (50kg thức ăn/bao bì). Khối lượng bao bì được ước tính như sau: 60 bao/ngày x 0,2 kg/bao= 12 kg/ngày. Toàn bộ lượng bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom toàn bộ và lưu chứa trong kho của trang trại hoặc bán cho các cơ sở chăn nuôi gà để lưu chứa phân. Đối với các loại bao bì rách không tái sử dụng trở lại sẽ được thu gom và thiêu hủy trong khuôn viên trang trại.

Bùn thải từ hầm ủ biogas: Sẽ được lấy ra định kỳ sau thời gian 6 năm, lượng bùn được lấy ra khoảng 80% thể tích bùn có trong hầm chứa, tải lượng bùn sau mỗi đợt lấy khoảng 1.800 m^3. Và sẽ được trang trại tiến hành bón cho cây trồng trong khuôn viên.

Bùn từ quá trình nạo vét ao sinh học: Mỗi năm 1 lần chủ cơ sở sẽ nạo vét bùn trong các ao sinh học để đảm bảo các ao sinh học không bị bồi lắng. Thông thường lƣợng bùn được sên sẽ có độ sâu khoảng 10-20 cm. Tổng lượng bùn phát sinh trong cả 4 ao

khoảng 110 m^3/năm (tổng diện tích 4 ao sinh học là 550 m^2 x 0,2 m độ sâu nạo vét = 110 m^3). Và sẽ được chủ cơ sở sử dụng để đắp bờ, gia cố cho các ao để chống tràn.

Xác heo chết (không do dịch bệnh): Công ty có bố trí hầm huỷ xác heo.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất rắn sinh hoạt

Đối với những chất thải có thể đốt lại lò đốt tránh để lâu sẽ xuất hiện côn trùng có thể mang theo mầm bệnh gây hại cho trang trại.

CHƯƠNG V

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Căn cứ tại điểm b, khoản 6, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Thời gian vận hành thử nghiệm cho Chủ cơ sở tự quyết định và không quá 6 tháng kể từ ngày được cấp GPMT đối với các công trình xử lý chất thải. Vì vậy, thời gian vận hành thử nghiệm của cơ sở như sau:

Bảng 15: Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

TT	Thời gian vận hành thử nghiệm	Tần suất lấy mẫu
1	Trong khoảng thời gian 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường	01 lần/ngày Số đợt lấy mẫu: 3 đợt liên tiếp - Loại mẫu: Mẫu đơn, bao gồm 01 mẫu nước thải đầu vào ngày đầu tiên và 01 mẫu nước thải đầu ra trong 3 ngày liên tiếp

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Cơ sở không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường lớn do đó kế hoạch vận hành thử nghiệm và kế hoạch quan trắc sẽ thực hiện theo Khoản 5, Điều 21 Thông tư 02:2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định "Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định".

Bảng 16: Kế hoạch lấy mẫu quan trắc vận hành thử nghiệm

TT	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	
1	Vị trí	Nước thải đầu ra sau xử lý
2	Thông số quan trắc	pH, BOD_5, COD, TSS, Tổng N, Tổng Coliforms
3	Quy chuẩn so sánh	- QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải: Căn cứ khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Quan trắc nước thải: Căn cứ khoản 4, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 thì cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất chủ cơ sở.

TT	Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn áp dụng/Giới hạn cho phép	Tần suất
A	**GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**			
1	NT: Mẫu nước thải sau xử lý	pH, BOD_5, COD, TSS, Tổng N, Tổng Coliforms	QCVN 62-MT:2016/BTNMT	1 năm/lần
B	**GIÁM SÁT CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG**			
1	Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường	Thành phần, lượng thải, công tác thu gom quản lý chất thải	–	Hằng ngày
C	**GIÁM SÁT CHẤT THẢI NGUY HẠI**			
1	Kho lưu chứa chất thải nguy hại	Thành phần lượng thải, công tác thu gom quản lý chất thải, mã CTNH, khối lượng CTNH.	–	Hằng ngày

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở được tính theo Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 17. Kinh phí thực hiện quan trắc nước thải hàng năm của cơ sở

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (mẫu)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	pH	01	54.356	54.356
2	BOD_5	01	244.065	244.065
3	COD	01	328.733	328.733
4	TSS	01	145.026	145.026
5	Tổng Nito	01	267.877	267.877
6	Tổng Coliforms	01	564.159	564.159
Tổng kinh phí giám sát 1 đợt				**1.604.216**
Tổng kinh phí giám sát 1 năm				**1.604.216**

CHƯƠNG VI

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất (2023-2024) đến nay, cơ sở không có đoàn thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường trong cơ sở.

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường

Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

- Cam kết nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.
- Cam kết chất lượng môi trường không khí xung quanh, các thông số đo đạc đều đạt so với QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT. Đối với chất lượng không khí trong môi trường lao động, các thông số đo đạc đều đạt so với QCVN 03:2019/BYT.
- Cam kết thực hiện quản lý, lưu giữ và ký hợp đồng thu gom vận chuyển xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.
- Cam kết quản lý chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Cơ sở theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho công nhân viên tại Trang trại.
- Đào tạo, hướng dẫn vận hành các hệ thống bảo vệ môi trường cho công nhân viên vận hành để đảm bảo các hệ thống bảo vệ môi trường được vận hành đúng quy trình, an toàn, hiệu quả.
- Thực hiện đầy đủ các chương trình quản lý môi trường, giám sát môi trường như đã đề xuất trong báo cáo.
- Khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra tại Cơ sở.

- Thực hiện nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu có bất kỳ hành vi vi phạm nào về các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở.

ĐẢNG BỘ TỈNH HẢI DƯƠNG **HUYỆN UỶ BÌNH GIANG** *	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
Số: 913 - TB/HU	*Bình Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2009*

BẢN SAO

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA THƯỜNG TRỰC HUYỆN UỶ

Về chủ trương nhất trí cho ông Nguyễn Bá Trịnh được làm chủ đầu tư dự án chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản và trồng cây lâu năm tại xã Bình Xuyên

Ngày 06/7/2009, Thường trực Huyện uỷ đã nghe UBND huyện báo cáo chủ trương cho ông Đặng Xuân Trường và ông Nguyễn Thanh Nam thôi không thực hiện dự án chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản và trồng cây lâu năm tại xã Bình Xuyên và đề nghị cho ông Nguyễn Bá Trịnh được làm chủ đầu tư tiếp tục triển khai dự án trên. Thường trực Huyện uỷ thống nhất như sau:

1. Nhất trí chủ trương cho ông Đặng Xuân Trường và ông Nguyễn Thanh Nam thôi không thực hiện đầu tư dự án chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản và trồng cây lâu năm tại thôn Kênh - xã Bình Xuyên. Đồng ý cho ông Nguyễn Bá Trịnh- sinh năm 1960, thường trú tại số nhà 110 tổ 8B, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội được làm chủ đầu tư để tiếp tục thực hiện dự án.

2. Giao cho UBND huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn các hộ làm thủ tục chuyển đổi chủ đầu tư và giám sát chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: - Thường trực HU; - UBND huyện; - Phòng TN - MT; - Phòng Công Thương; - Chi cục thuế; - ĐU, UBND xã Bình Xuyên; - Chủ đầu tư; - Lưu.	**T/M BAN THƯỜNG VỤ** **BÍ THƯ** **Phạm Xuân Thăng**

U.B.N.D XÃ BÌNH XUYÊN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số quyển: 07 Số TT 335
Ngày: 24 tháng 8 /2009

PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN QUANG

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1403/QĐ-UBND	*Bình Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Vv. Thu hồi đất và cho ông Nguyễn Bá Trịnh thuê đất đầu tư xây dựng dự án chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản và trồng cây lâu năm, tại xã Bình xuyên

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

Căn cứ luật tổ chức HĐND-UBND các cấp ngày 26/11/2003;

Căn cứ luật đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của chính phủ về thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông báo số 913/TB-HU ngày 08/7/2009 của Thường trực Huyện uỷ về việc chủ trương nhất trí cho ông Nguyễn Bá Trịnh được làm chủ đầu tư dự án chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản và trồng cây lâu năm của ông Đặng Xuân Trường và ông Nguyễn Thanh Nam tại xã Bình Xuyên;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tài Nguyên & Môi Trường tại tờ trình số 80 ngày 31/7/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Thu hồi 42.938 m^2 đất (*bốn mươi hai ngàn chín trăm ba mươi tám mét vuông*) do ông Nguyễn Thanh Nam và Đặng Xuân Trường đang quản lý sử dụng tại xã Bình Xuyên (ông Đặng Xuân Trường 21.605m^2, ông nguyễn Thanh Nam 21.333m^2), cho ông Nguyễn Bá Trịnh, số nhà 110, tổ 8B, Phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội thuê đất để đầu tư xây dựng dự án chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản và trồng cây lâu năm (Theo thông báo chấp thuận đầu tư của UBND Huyện Bình Giang số 74/CT-UBND ngày 30/7/2009).

2. Sử dụng từ các loại đất: NKH

3. Vị trí : Tại các thửa 584 và 585, tờ bản đố số 13 của xã Bình xuyên (có trích lục bản đồ địa chính do UBND xã Bình xuyên và phòng TN &MT xác lập ngày 16/7/2009).

4. Thời hạn thuê đất : 25 năm *(Hai mươi lăm năm)*

Điều 2.

1. Giao cho phòng TC-KH, phòng TN & MT, các ngành đơn vị liên quan, UBND xã Bình xuyên căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và chế độ chính sách của nhà nước hiện hành lập phương án bồi thường cho người bị thu hồi đất và xác định giá cho ông Nguyễn Bá Trịnh thuê đất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ông Nguyễn Bá Trịnh có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, diện tích được thuê chấp hành đầy đủ các quy định khác có liên quan trong công tác quản lý và sử dụng đất mà nhà nước đã ban hành.

3. Trong thời hạn 12 tháng ông Nguyễn Bá Trịnh không sử dụng đất, phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp cùng các ngành và đơn vị liên quan, lập thủ tục trình UBND huyện quyết định thu hồi đất theo luật định.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các phòng TN&MT, TC-KH, Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND xã Bình xuyên, ông Nguyễn Bá Trịnh, ông Nguyễn Thanh Nam và ông Đặng Xuân Trường căn cứ thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như điều 3;
- Lưu Vp.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

ĐẶNG MINH TUẤN

PHÓ CHỦ TỊCH

PHẠM THÀNH XUÂN

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1969.../QĐ-UBND	*Bình Giang, ngày 23 tháng 9 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện tại Tờ trình số 99../TTr-TN&MT ngày 9../9../2009 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 780170 cho hộ ông Nguyễn Bá Trịnh và bà Trần Thị Thu Hương được quyền sử dụng đất tại xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương,

Thửa đất số 586 Thuộc tờ bản đồ số 13, Diện tích 42.938 m^2

Bằng chữ: *(Bốn mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám mét vuông)*,

Mục đích sử dụng đất: Đầu tư xây dựng dự án chăn nuôi, nuôi trồng trủy sản và trồng cây lâu năm

Thời hạn sử dụng đất: 25 năm (Từ ngày 10/8/2009 đến ngày 10/8/2034);

Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện, Chủ tịch UBND xã Bình Xuyên và ông *(bà)* có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 2; - Lưu VP.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN** **CHỦ TỊCH** **Vũ Quang Sang**

PHÓ CHỦ TỊCH
PHẠM THÀNH XUÂN

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.

3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN

Huyện Bình Giang -Tỉnh Hải Dương

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Ông: Nguyễn Bá Trịnh Năm sinh: 1960
CMND số: 011072360 Ngày cấp: 07/5/2002 Nơi cấp: Công an Hà Nội
Bà: Trần Thị Thu Hương Năm sinh: 1971
CMND số: 011729814 Ngày cấp: 28/5/2001 Nơi cấp: Công an Hà Nội
Hộ khẩu thường trú: Số 110; Tổ 8B - P. Đồng Tâm - Q. Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 586 2. Tờ bản đồ số: 13
3. Địa chỉ thửa đất: Xã Bình Xuyên - Huyện Bình Giang - Tỉnh Hải Dương
4. Diện tích: 42.938 m^2 Bằng chữ: (Bốn mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám mét vuông)
5. Hình thức sử dụng: + Sử dụng riêng: 42.938 m^2
+ Sử dụng chung: Không
6. Mục đích sử dụng đất: Đầu tư xây dựng dự án chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và trồng cây lâu năm.
7. Thời hạn sử dụng đất: Từ ngày 10 tháng 8 năm 2009 đến ngày 10 tháng 8 năm 2034.
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất

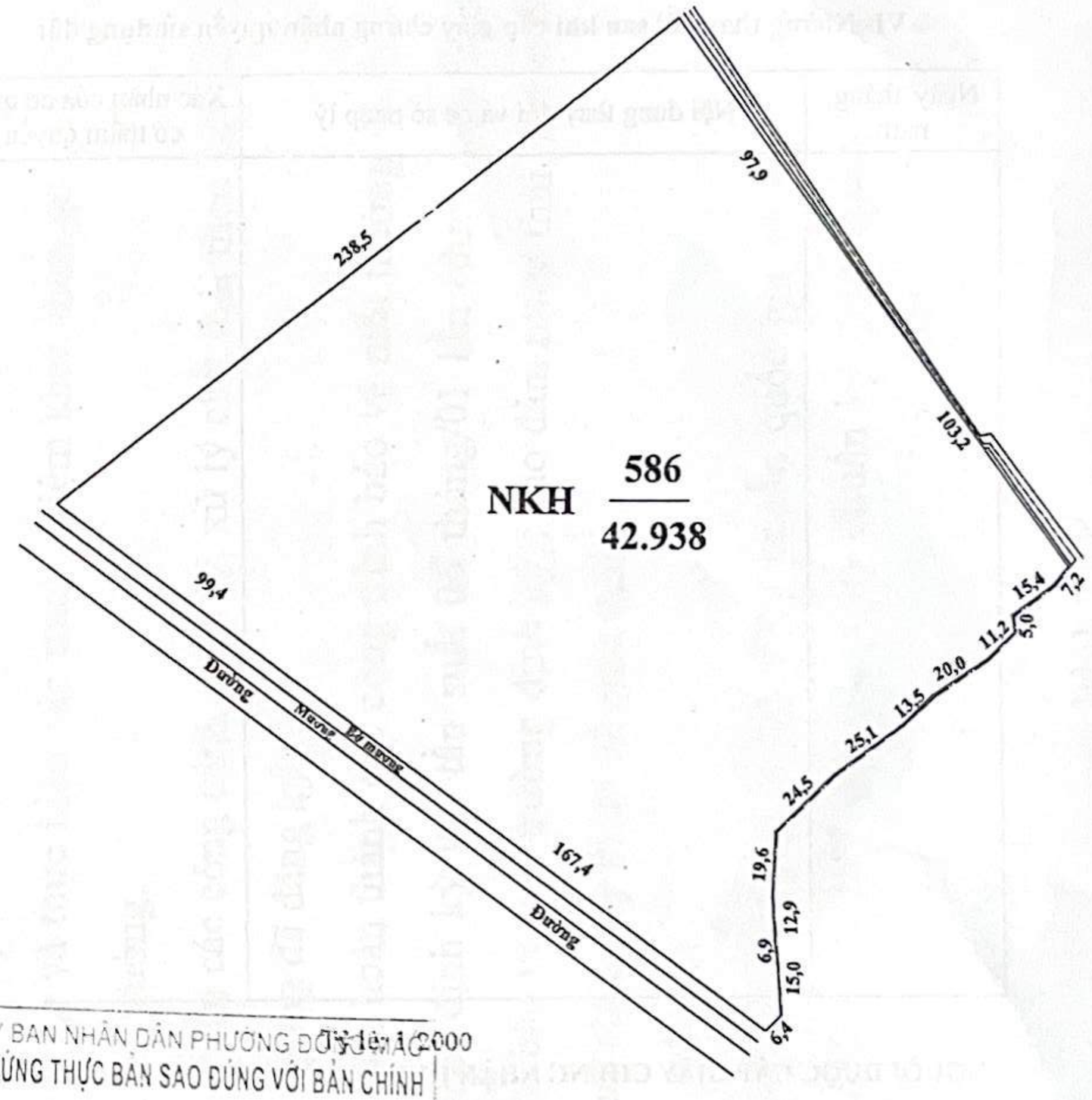

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỒNG TÂM
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21-05-2019
SỐ CHỨNG THỰC 0870 QUYỂN SỐ 05/CTBS
KT. CHỦ TỊCH
Bùi Đình Trọng

Ngày 23 Tháng 9 Năm 2009
TM. UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu)
CHỦ TỊCH
VŨ QUANG SANG

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00005/BX - BG

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19.../XNKHBVMT	*Bình Giang, ngày 26 tháng 12 năm 2019*

BẢN SAO

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
UBND HUYỆN BÌNH GIANG XÁC NHẬN

Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án "Khu chăn nuôi tập trung lợn nái ngoại, sản xuất con giống thương phẩm, quy mô lớn, chất lượng cao đảm bảo vệ sinh môi trường" tại thôn Kênh, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, Hải Dương.

Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ); bảo đảm nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải:

- Về nước thải xử lý đạt:

+ QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Về khí thải đạt

+ QĐ 3733:2002/BYT: về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;

+ QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

- Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở./.

Nơi nhận:
- Phòng TNMT huyện Bình Giang;
- Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Trịnh;
- Lưu VP.

TM. UBND HUYỆN BÌNH GIANG
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Kiên

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CT: 3510 Số Quyển: 01 SCT/BS
ngày 30 tháng 12 năm 2019

PHÓ CHỦ TỊCH

PHẠM VĂN THẢNH

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

Trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản và trồng cây ăn quả.

Hộ ông: Nguyễn Bá Trịnh

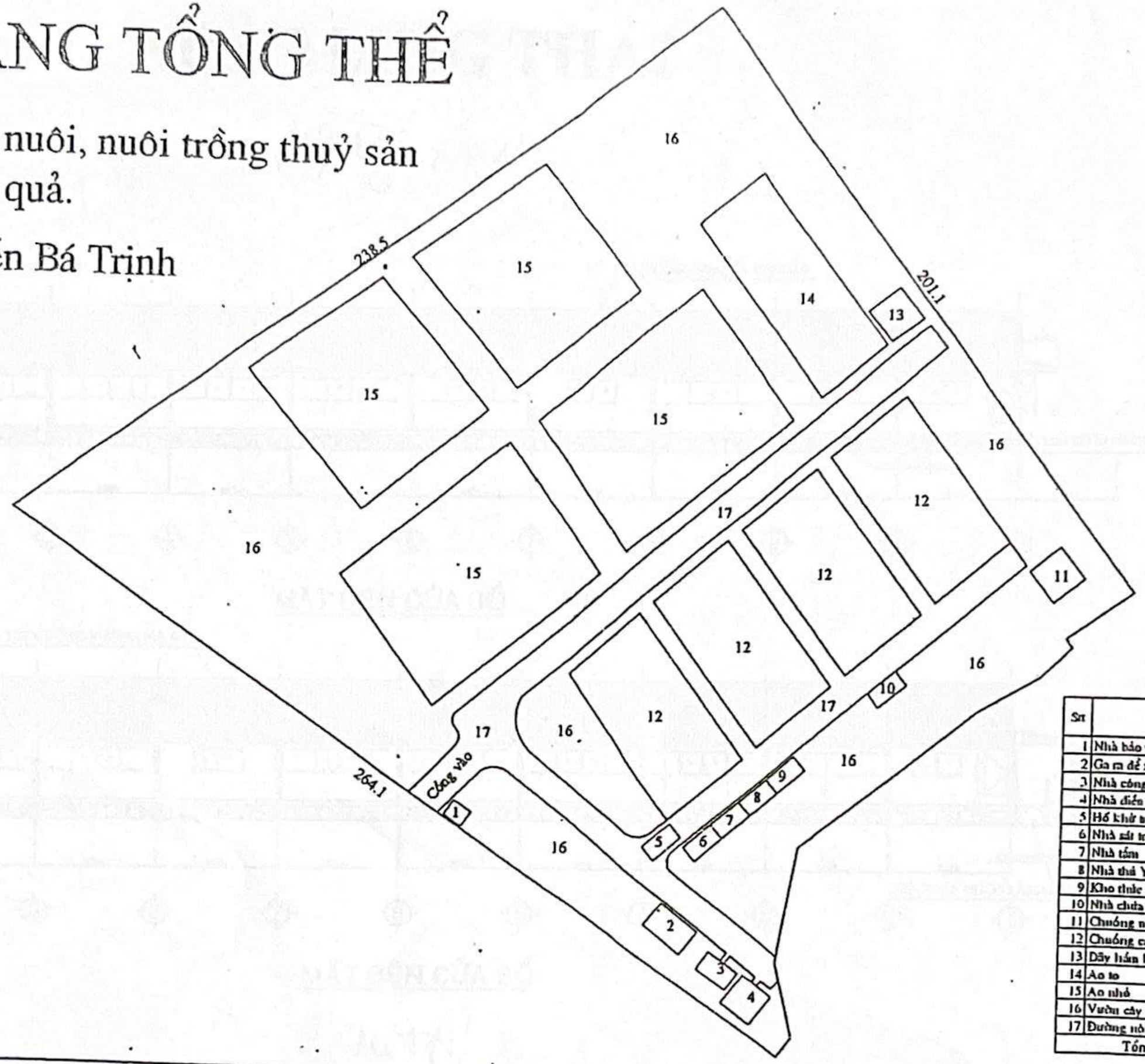

BẢNG TỔNG HỢP CÁC HẠNG MỤC

Stt	Hạng mục	Số lượng	Kích thước m	Diện tích m^2
1	Nhà bảo vệ	1	5x6	30
2	Gara để xe	1	8x13	104
3	Nhà công nhân	1	6x10	60
4	Nhà điều hành	1	10x10	100
5	Hố khử trùng	1	5x10	50
6	Nhà sát trùng + giày B	1	5x10	50
7	Nhà tắm	1	5x10	50
8	Nhà thú Y	1	5x10	50
9	Kho thức ăn	1	5x10	50
10	Nhà chứa phân	1	11x11	121
11	Chuồng nuôi lợn	4	50x27	5400
12	Chuồng cách ly	1	11x11	121
13	Dãy hầm biôga 6 chiếc	1	23x60	1380
14	Ao to	2	45x60	5400
15	Ao nhỏ	2	45x45	4050
16	Vườn cây + đất trống + hàng rào			21550
17	Đường nội trại			4372
	Tổng diện tích			42938

CHỦ CƠ SỞ	UBND XÃ BÌNH XUYÊN	PHÒNG TN&MT	PHÒNG CÔNG THƯƠNG	UBND HUYỆN BÌNH GIANG
Ngày 20 tháng 5 năm 2009	Ngày 28 tháng 5 năm 2009	Ngày 16 tháng 7 năm 2009	Ngày 05 tháng 8 năm 2009	Ngày 10 tháng 8 năm 2009
Nguyễn Bá Trịnh	CHỦ TỊCH HOÀNG ĐÌNH THƯỞNG			PHÓ CHỦ TỊCH

NHÀ MANG THAI

Mặt đứng 1 ÷ 11

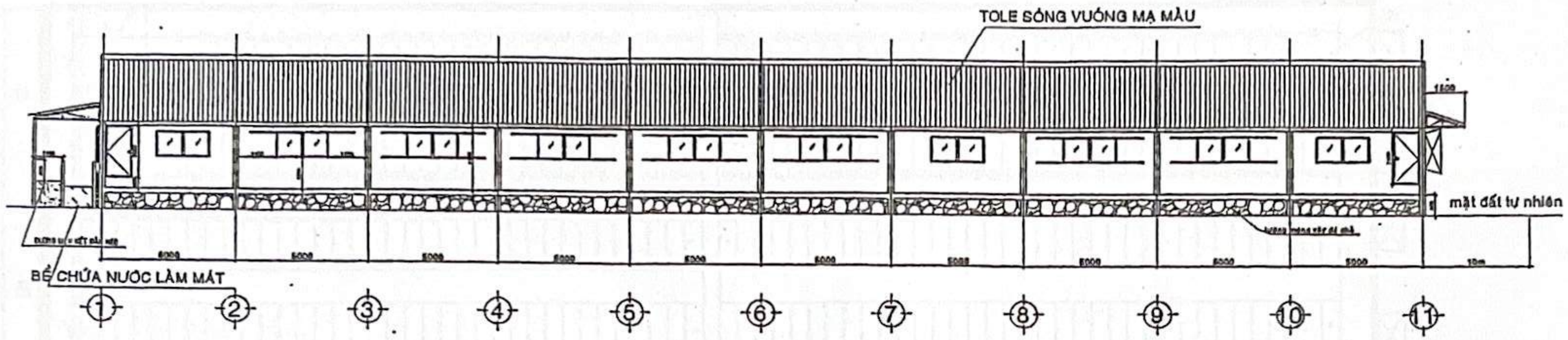

MẶT BÊN CỬA SỔ

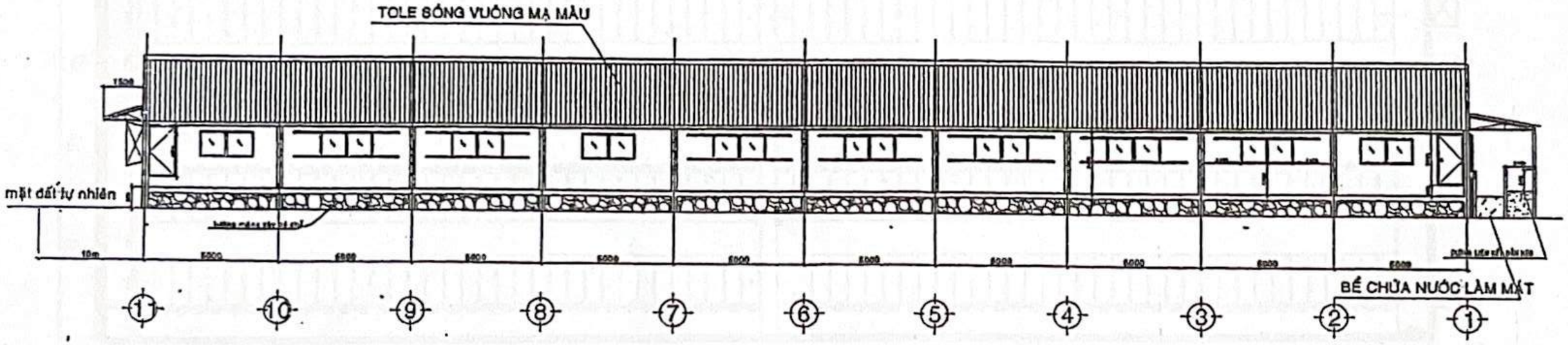

MẶT BÊN CỬA SỔ

Mặt đứng 11 - 1

CỬA SỔ SẮT KÍNH - SỐ LƯỢNG: 20 BỘ

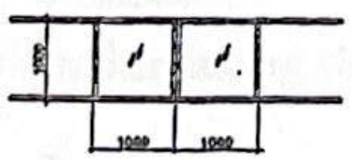

CỬA ĐI - KHUNG SẮT - PANÔ SẮT, SỐ LƯỢNG:04BỘ

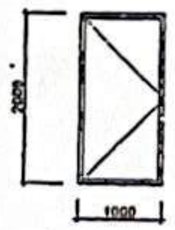

CÔNG TRÌNH:
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI 600 HEO
NÁI SINH SẢN

Đơn vị tư vấn quản lý dự án:
Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
Chi nhánh Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội

SWINE BUSINESS

Phó Tổng giám đốc:

NOPPHADOL BANCHONGLAIAD

Chủ đầu tư:

Giám đốc:

Đơn vị thiết kế:
công ty .....
địa chỉ:.....

Chủ trì thiết kế	.....
Thiết kế	.....
Vẽ	.....
Kiểm tra	.....

Hạng mục công trình:

NHÀ HEO MANG THAI
- mặt đứng

Địa chỉ xây dựng:

Khổ giấy: A 3	loại hồ sơ: TKKT	TKSB:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ LÒNG CHUỒNG NHÀ MANG THAI

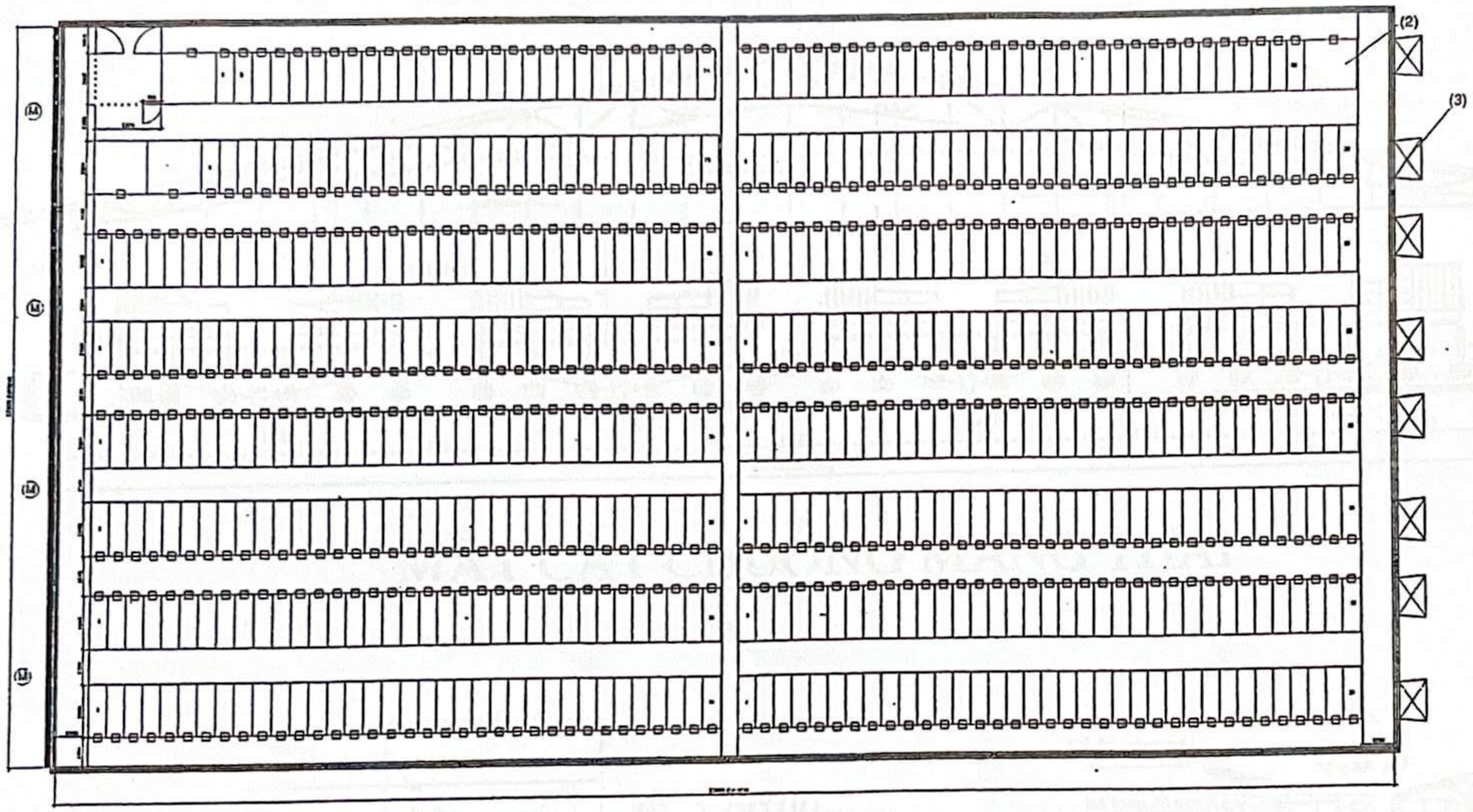

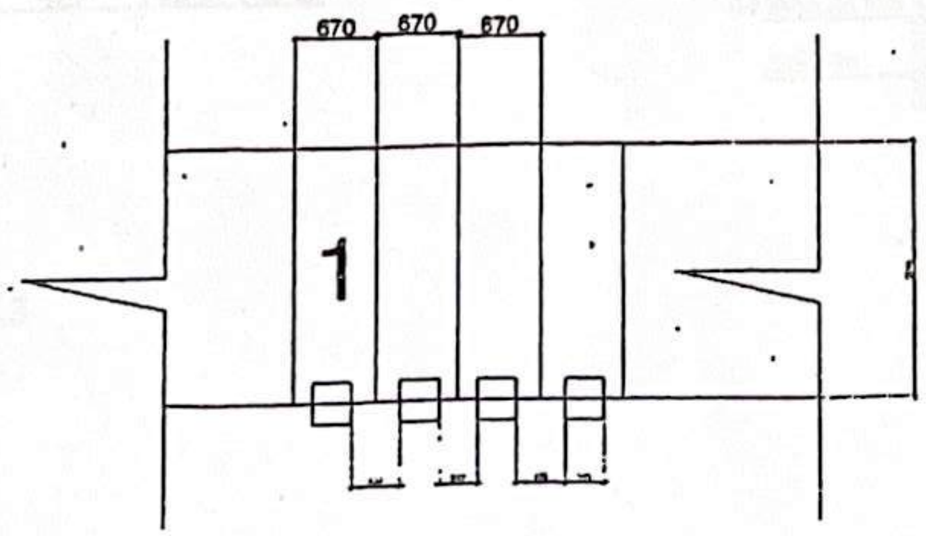

(M) - Tấm làm mát 1,8m (80 tấm).
(2) - 01 Chuồng đau chân,05 chuồng nọc
(3) - Quạt Hút 1390 mm (08 quạt, cánh nhôm đúc, 3 cánh)
(4) - 547 ô chuồng mang thai (670 tim)

(2)

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI 600 HEO NÁI SINH SẢN

Đơn vị tư vấn quản lý dự án:
Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
Chi nhánh Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội

SWINE BUSINESS

Phó Tổng giám đốc:

NOPPHADOL BANCHONGLAIAD

Chủ đầu tư:

Giám đốc:

Đơn vị thiết kế:
công ty .....
địa chỉ:.....

Chủ trì thiết kế	.....
Thiết kế	.....
Vẽ	.....
Kiểm tra	.....

Hạng mục công trình:

NHÀ HEO MANG THAI
- mặt bằng bố trí ô chuồng

Địa chỉ xây dựng:

Khổ giấy: A 3	loại hồ sơ: TKKT	TKSB:
Tỷ lệ		

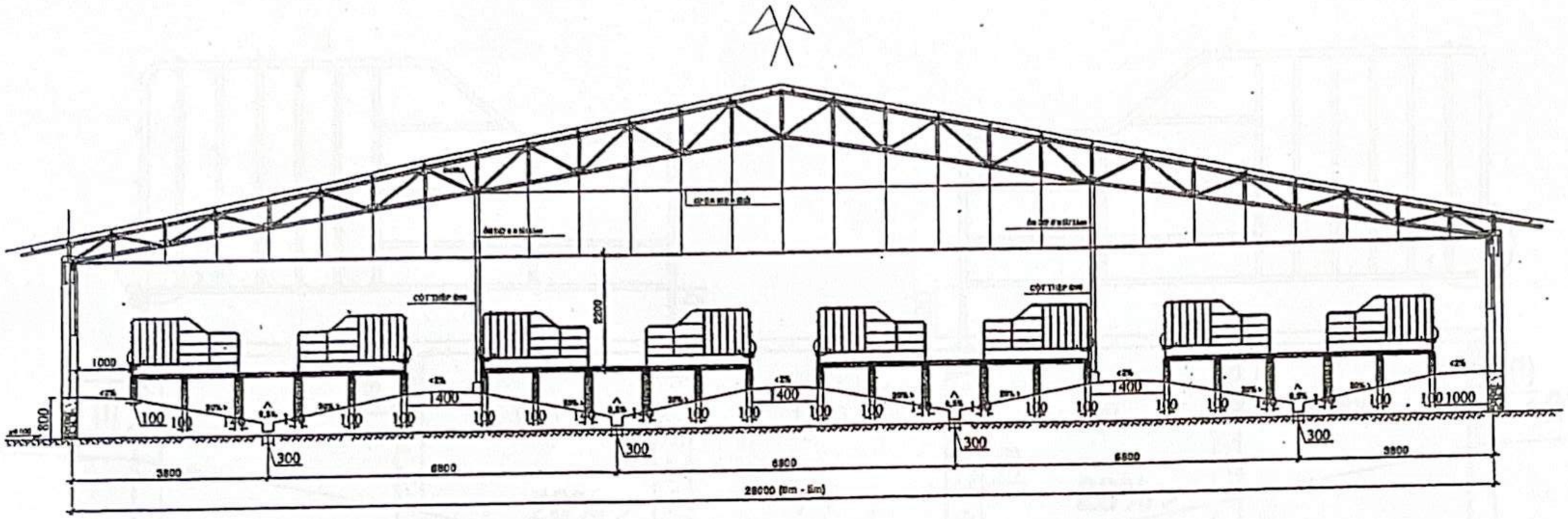

MẶT CẮT CHUỒNG MANG THAI

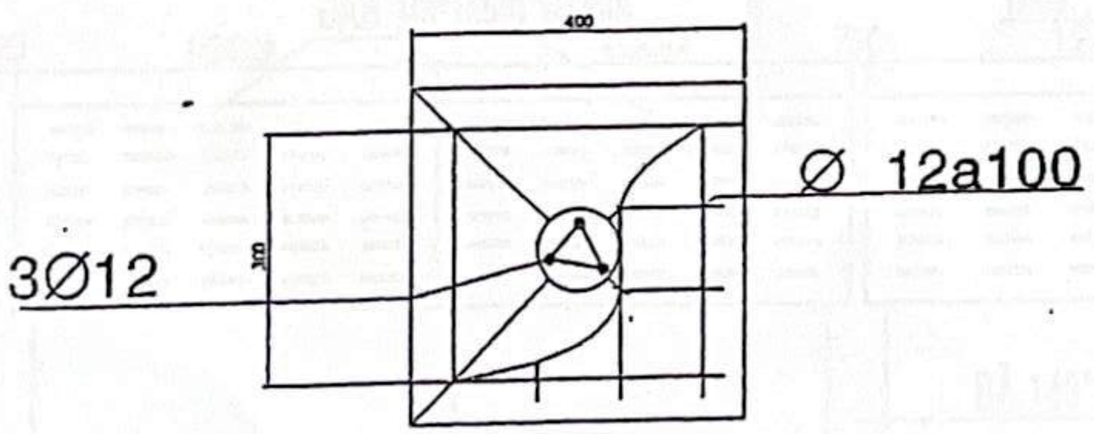

CHI TIẾT MÓNG CỘT 1,2,3
TL: 1/10

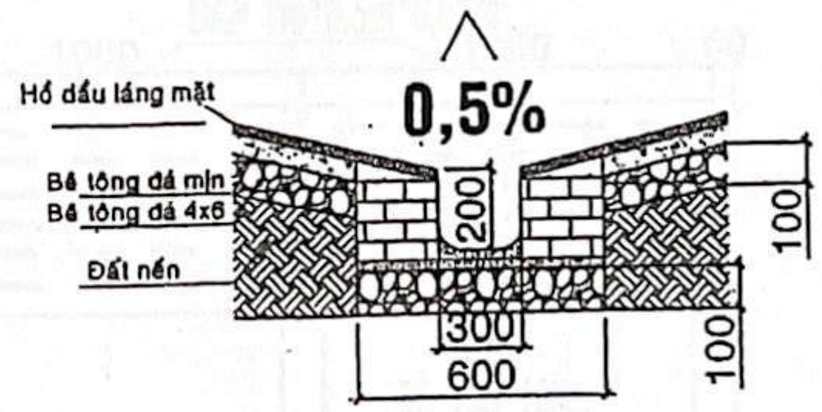

CHI TIẾT MƯƠNG
TL: 1/20

3

NÁI SINH SẢN

Đơn vị tư vấn quản lý dự án:
Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội

SWINE BUSINESS

Phó Tổng giám đốc:

NOPPHADOL BANCHONGLAIAI

Chủ đầu tư:

Giám đốc:

Đơn vị thiết kế:

công ty .....
địa chỉ:.....

Chủ trì thiết kế	.....
Thiết kế	.....
Vẽ	.....
Kiểm tra	.....

Hạng mục công trình:

NHÀ HEO MANG THAI
- mặt cắt ngang

Địa chỉ xây dựng:

Khổ giấy: A 3	loại hồ sơ: TKKT	TKSB
Tỷ lệ		

CHI TIẾT NGANG CHUỒNG MANG THAI

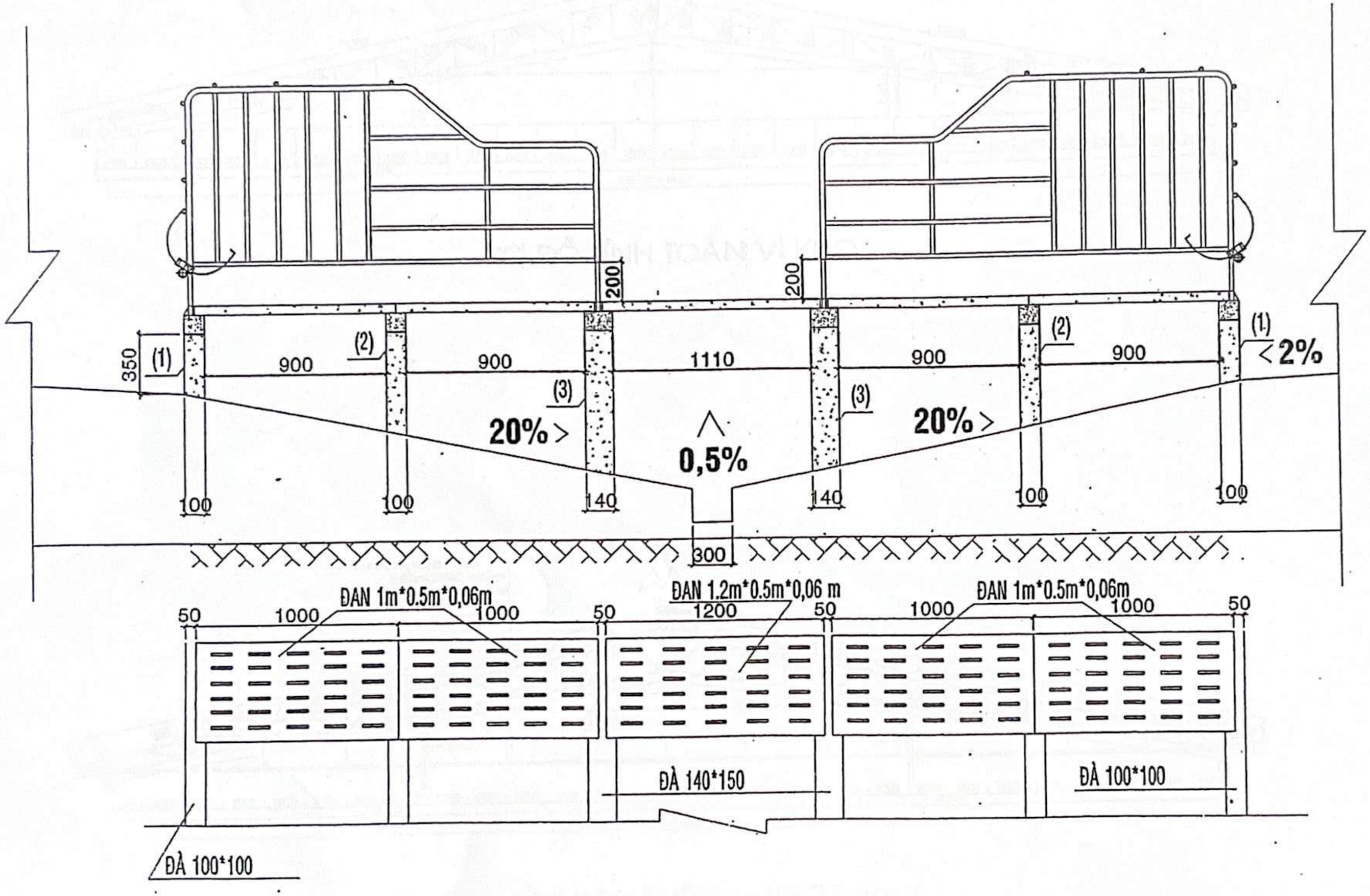

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI 600 HEO NÁI SINH SẢN

Đơn vị tư vấn quản lý dự án:
Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
chi nhánh Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội

SWINE BUSINESS

Phó Tổng giám đốc:

NOPPHADOL BANCHONGLAIA

Chủ đầu tư:

Giám đốc:

Đơn vị thiết kế:
công ty .....
địa chỉ:.....

Chủ trì thiết kế	.....
Thiết kế	.....
Vẽ	.....
Kiểm tra	.....

Hạng mục công trình:

NHÀ HEO MANG THAI
- mặt cắt ngang ô chuồng

Địa chỉ xây dựng:

Khổ giấy: A 3	loại hồ sơ: TKKT	TKSB:
Tỷ lệ		

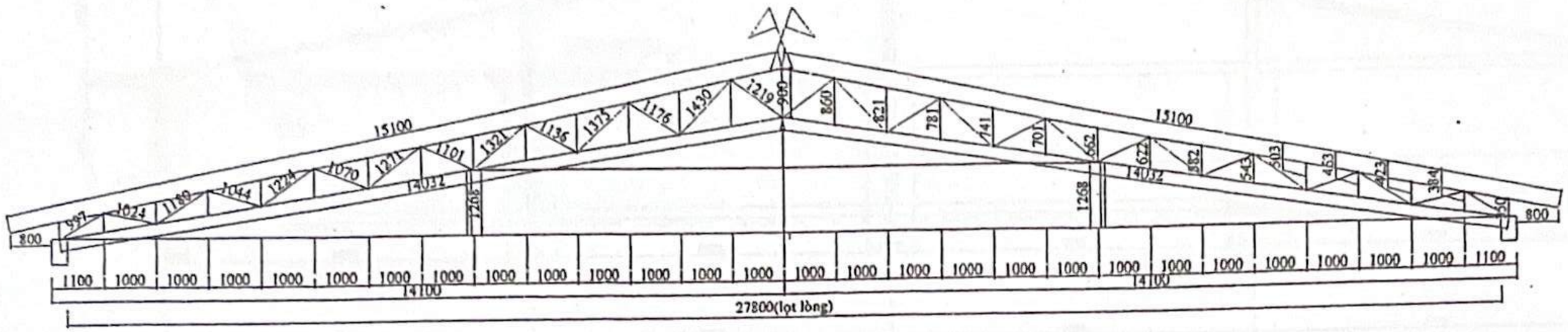

SƠ ĐỒ TÍNH TOÁN VÌ KÈO

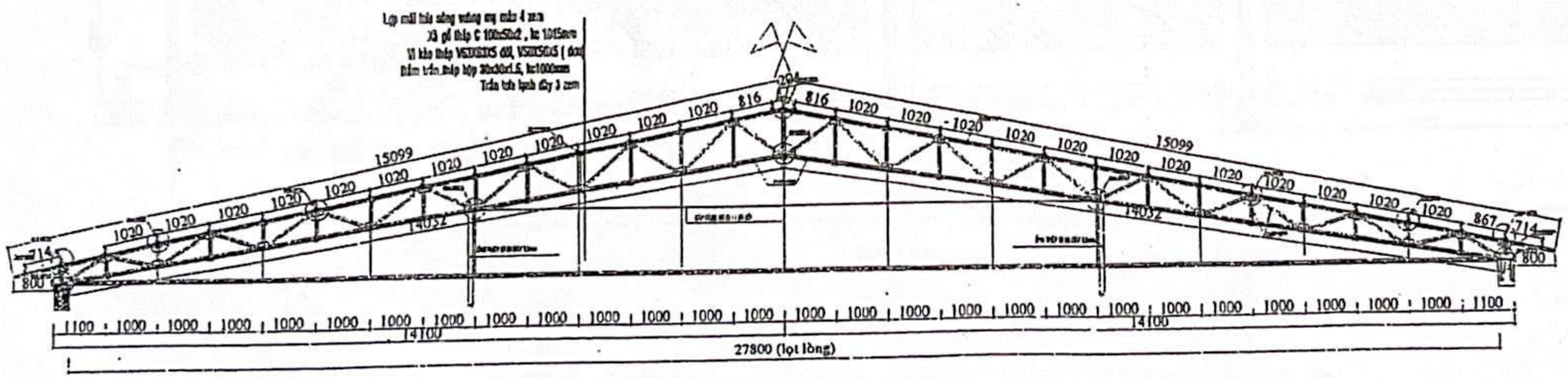

VÌ KÈO THÉP NHỊP 27.8m

5

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI 600 HEO
NÁI SINH SẢN

Đơn vị tư vấn quản lý dự án:
Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
Chi nhánh Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội

SWINE BUSINESS

Phó Tổng giám đốc:

NOPPHADOL BANCHONGLAJAD

Chủ đầu tư:

Giám đốc:

Đơn vị thiết kế:

công ty .....
địa chỉ:.....

Chủ trì thiết kế	.....
Thiết kế	.....
Vẽ	.....
Kiểm tra	.....

Hạng mục công trình:

NHÀ HEO MANG THAI
- chi tiết kèo mái

Địa chỉ xây dựng:

Khổ giấy: A 3	loại hồ sơ: TKKT	TKSB:
Tỷ lệ		

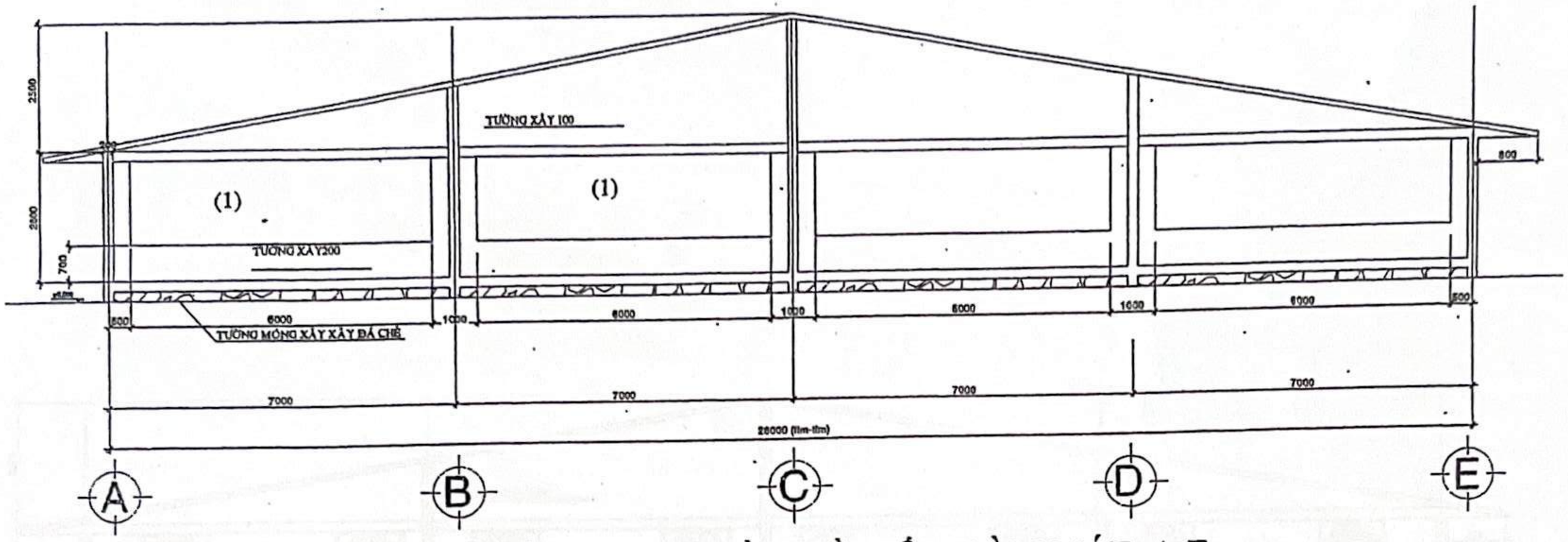

MẶT CẮT NGANG ĐẦU HỒI TẤM LÀM MÁT: A-E

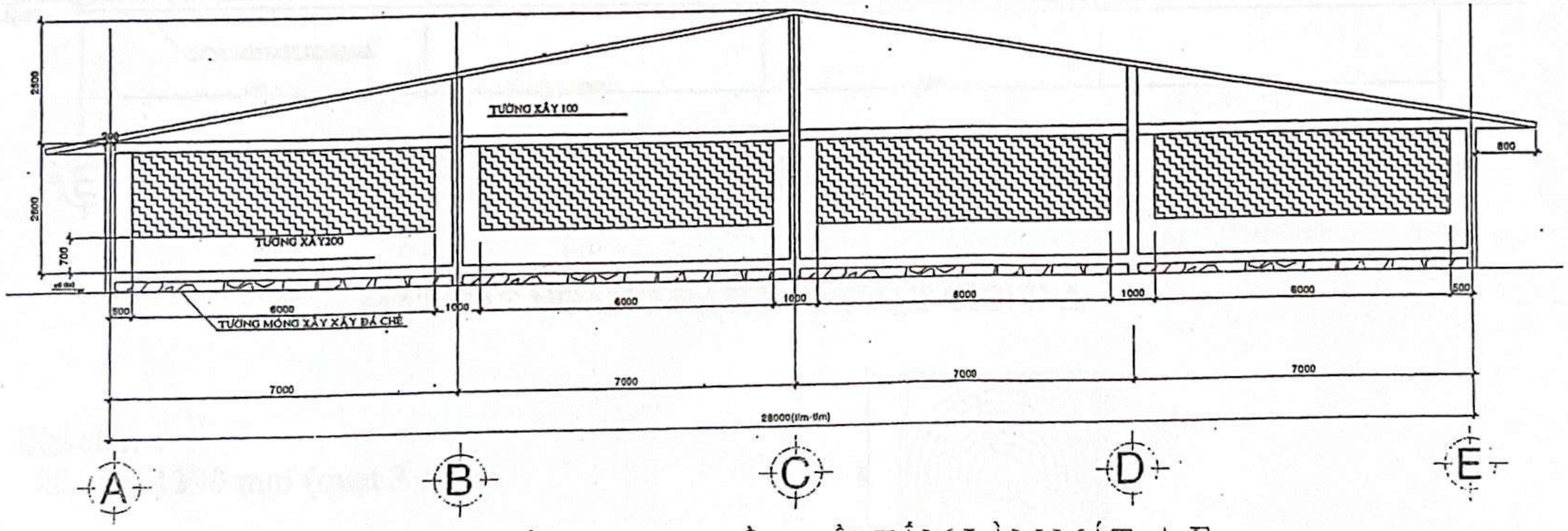

MẶT CẮT NGANG ĐẦU HỒI TẤM LÀM MÁT: A-E

(7)

Đơn vị tư vấn quản lý dự án:
Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
Chi nhánh Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà N

SWINE BUSINESS

Phó Tổng giám đốc:

NOPPHADOL BANCHONGLA

Chủ đầu tư:

Giám đốc:

Đơn vị thiết kế:

công ty .....
địa chỉ:.....

Chủ trì thiết kế	.....
Thiết kế	.....
Vẽ	.....
Kiểm tra	.....

Hạng mục công trình:

NHÀ HẸO MANG THAI
- mặt trước tấm làm mát

Địa chỉ xây dựng:

Khổ giấy: A 3	loại hồ sơ: TKKT	TKSI
Tỷ lệ		
ngày ... tháng 07 năm 2010		

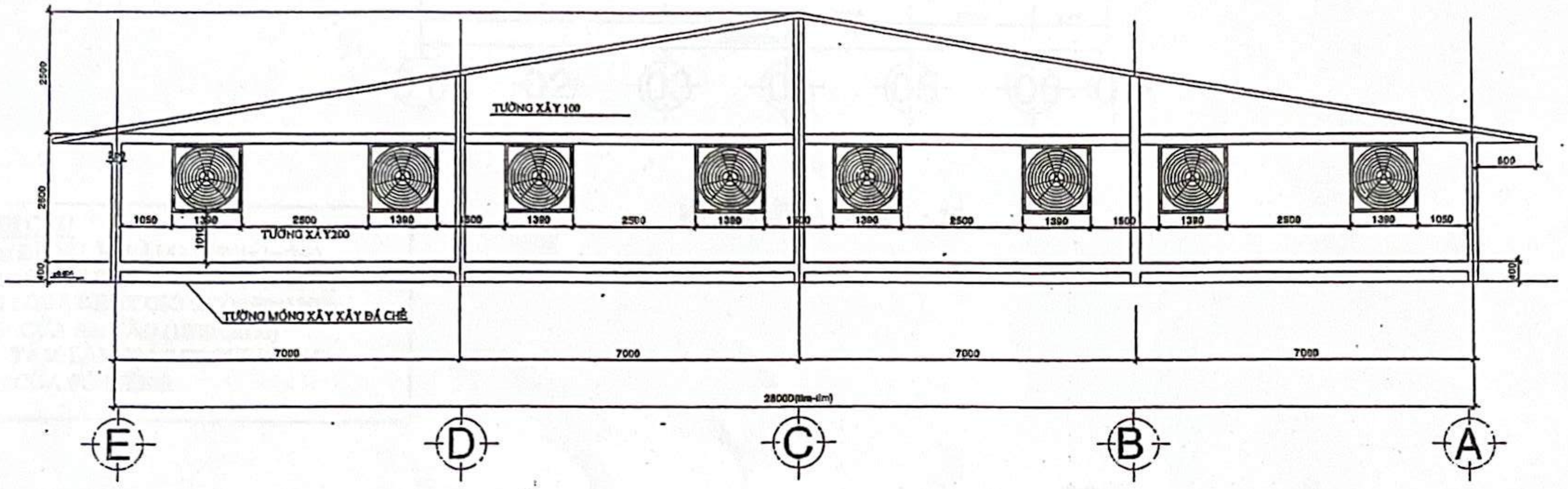

MẶT CẮT NGANG ĐẦU HỒI QUẠT GIÓ: E-A

Ghi chú:
- 08 quạt 1390 mm (quạt 3 cánh)

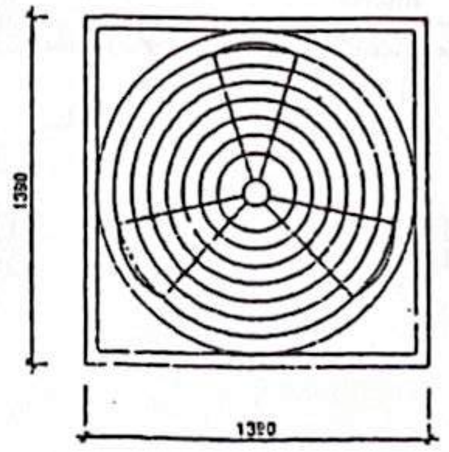

QUẠT HÚT GIÓ 3 CÁNH (1390X1390), SỐ LƯỢNG 8CÁI

8

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI 600 HEO NÁI SINH SẢN

Đơn vị tư vấn quản lý dự án:
Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
Chi nhánh Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội

SWINE BUSINESS

Phó Tổng giám đốc:

NOPPHADOL BANCHONGLAIAD

Chủ đầu tư:

Giám đốc:

Đơn vị thiết kế:

công ty .....
địa chỉ:.....

Chủ trì thiết kế	.....
Thiết kế	.....
Vẽ	.....
Kiểm tra	.....

Hạng mục công trình:

NHÀ HEO MANG THAI
- mặt trước giản mát.
- mặt sau quạt.

Địa chỉ xây dựng:

Khổ giấy: A 3	loại hồ sơ: TKKT	TKSB:
Tỷ lệ		

NHÀ NÁI ĐẺ

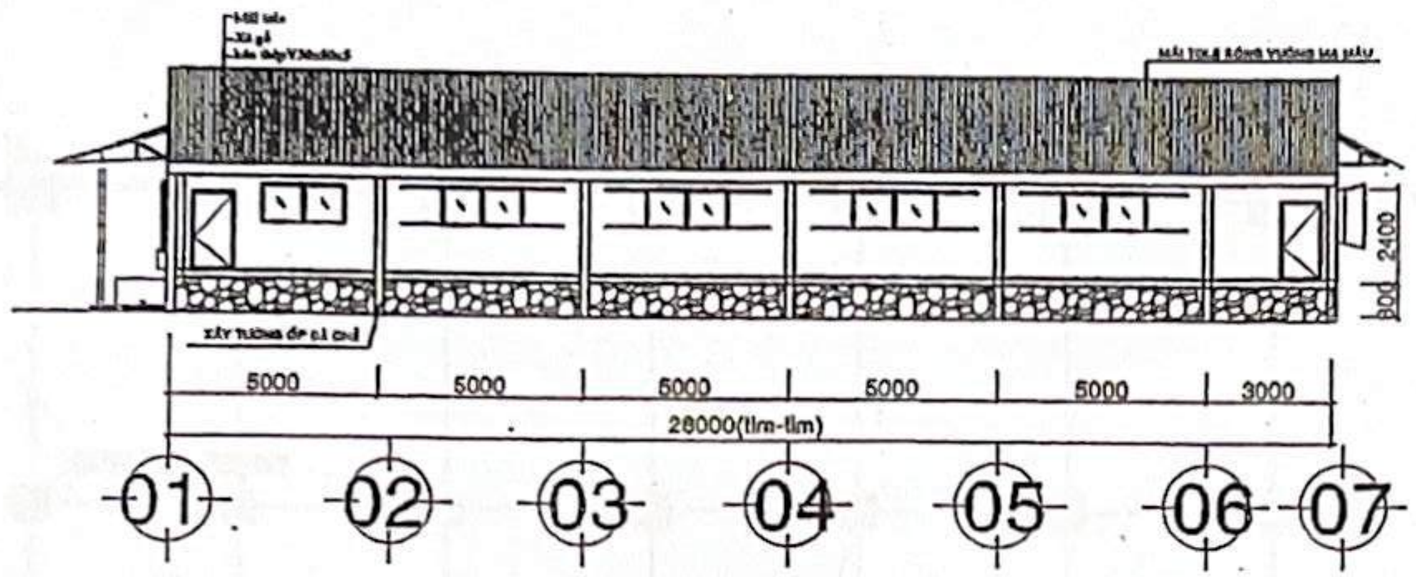

MẶT ĐỨNG BÊN 1 - 11

GHI CHÚ
Bn: BỂ NƯỚC LÀM MÁT(1x1x 2m).
Q1 : QUẠT HÚT GIÓ 36"(1080x1080)
Q2 : QUẠT HÚT GIÓ 50"(1390x1390)
D1: CỬA RA VÀO (1000x2000)
C : TẤM LÀM MÁT COOLING PAD
S1: CỬA SỔ KIẾNG

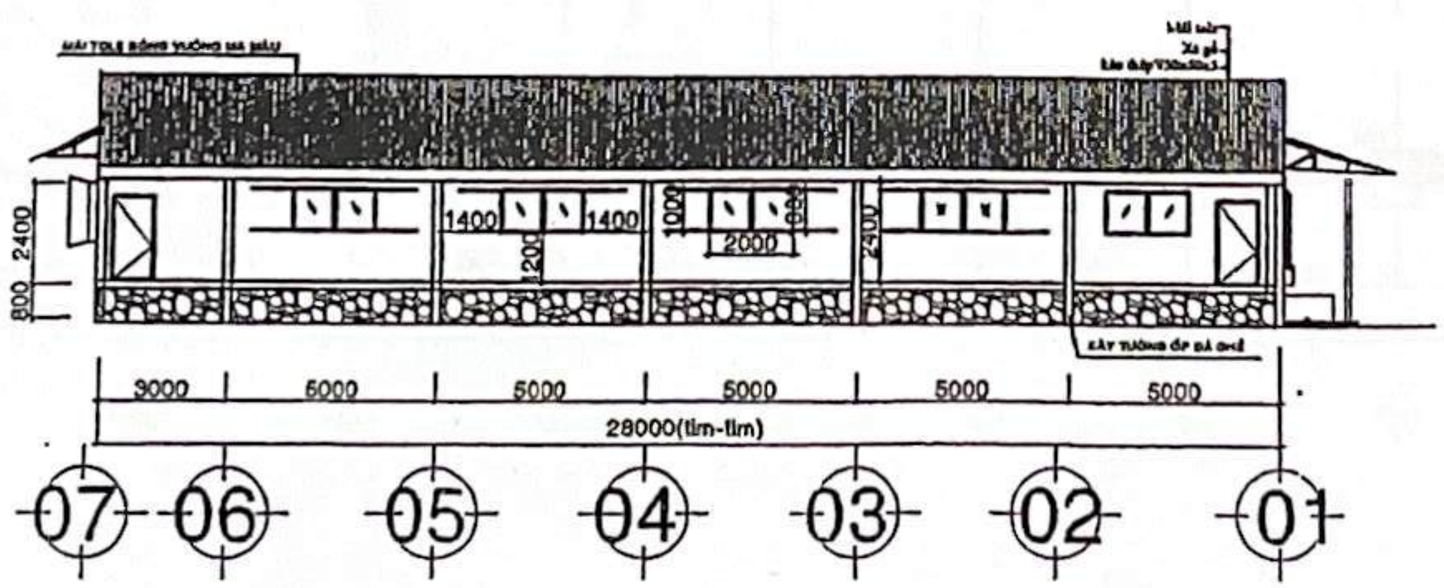

MẶT ĐỨNG BÊN 11 - 1

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI 600 HEO NÁI SINH SẢN

Đơn vị tư vấn quản lý dự án:
Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
Chi nhánh Xuân Mai Hà Nội

SWINE BUSINESS

Chủ đầu tư:

Giám đốc:

Đơn vị thiết kế:
công ty .....
địa chỉ:.....

Chủ trì thiết kế	.....
Thiết kế	.....
Vẽ	.....
Kiểm tra	.....

Hạng mục công trình:
- NHÀ HEO HEO NÁI ĐẺ
- mặt đứng

Địa chỉ xây dựng:

Khổ giấy: A 3	loại hồ sơ: TKKT	TKSB:
Tỷ lệ		

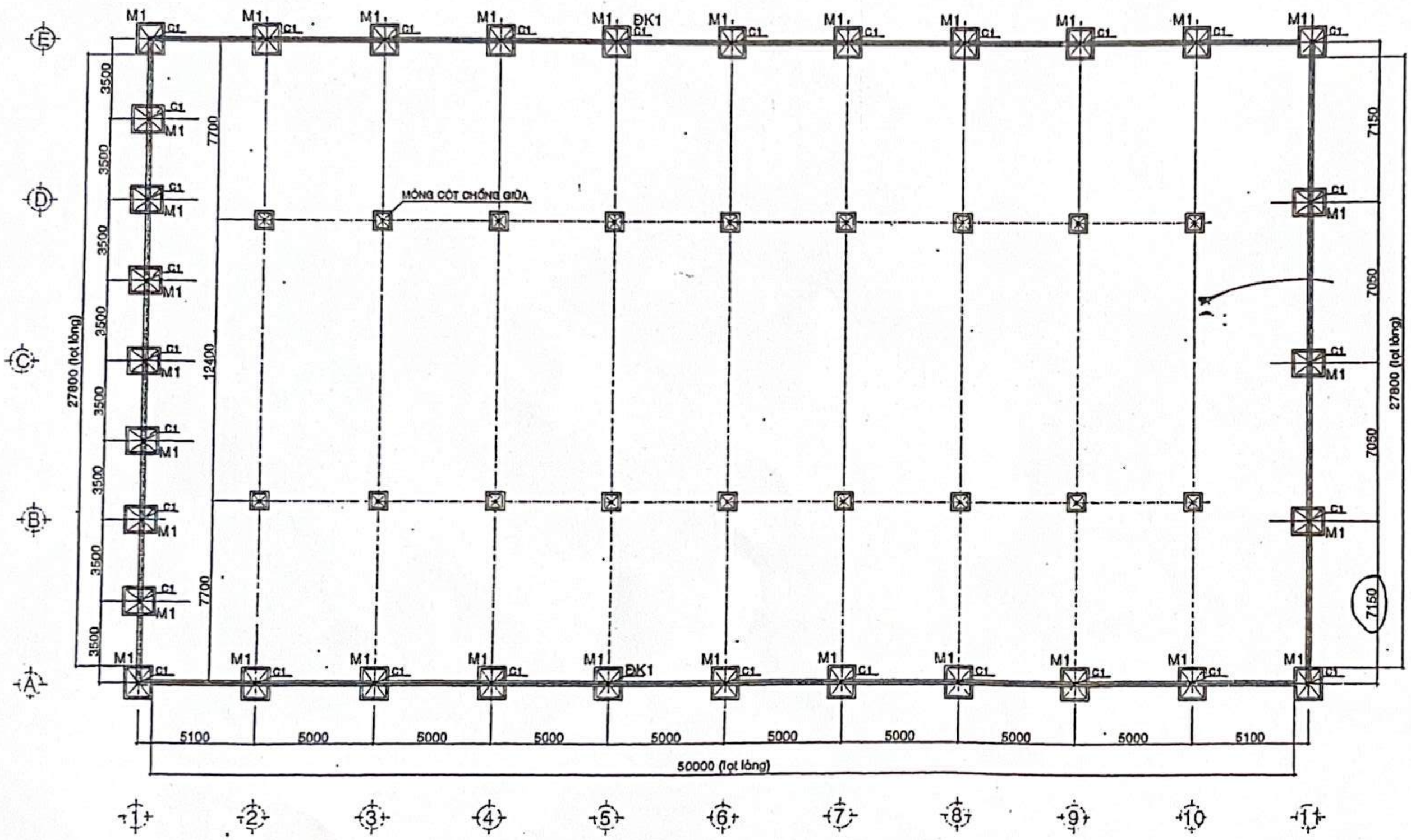

TRANG TRẠI NUÔI 600 HEO NÁI SINH SẢN

Đơn vị tư vấn quản lý dự án:
Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
Chi nhánh Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội

SWINE BUSINESS

Phó Tổng giám đốc:

NOPPHADOL BANCHONGLAIAD

Chủ đầu tư:

Giám đốc:

Đơn vị thiết kế:

công ty .....
địa chỉ:.....

Chủ trì thiết kế	.....
Thiết kế	.....
Vẽ	.....
Kiểm tra	.....

Hạng mục công trình:

NHÀ HEO MANG THAI
- mặt bằng bố trí móng, đà kiềng

Địa chỉ xây dựng:

Khổ giấy: A 3	loại hồ sơ: TKKT	TKSB:
Tỷ lệ		